

Bản án số 217/2022/HS-PT
Ngày 13/4/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;
Ông Nguyễn Vũ Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 821/2020/TLPT-HS ngày 06 tháng 10 năm 2020, do có kháng cáo của các bị cáo; kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Trần Văn S, sinh ngày 12/8/1975 tại huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu 6, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh tỉnh Lai Châu; bị cáo là đảng viên Đảng CSVN, hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Trịnh Thị S (đều đã chết); có vợ là Lương Thị Th và có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/11/2017 đến nay; có mặt.

2. Đặng Tiến C, sinh ngày 01/3/1968 tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 25, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV Đức C; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Ngọc O (đã chết) và bà Phan Thị H; có vợ là Vũ

Thị H1 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/6/2019 đến nay; có mặt.

3. Lò Văn X, sinh ngày 04/01/1984 tại huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu 2, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: nguyên Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; bị cáo là đảng viên Đảng CSVN và hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn T1 và con bà Lương Thị M; có vợ là Vàng Thị H2 và có 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/12/2017; có mặt.

4. Khoảng Thị Nh, sinh ngày 24/7/1991 tại thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 25, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: nguyên cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khoảng Văn M1 và con bà Lò Thị V (đều đã chết); có chồng là Lò Văn Ph và có 01 con sinh ngày 08/5/2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/5/2018 đến nay; có mặt.

5. Nguyễn Văn Nh1, sinh ngày 23/4/1990 tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu 2, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: nguyên cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; trình độ học vấn: Cao đẳng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ngh và con bà Ninh Thị Đ; có vợ là Trần Hà Th1 và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/5/2018 đến nay; có mặt.

6. Nguyễn Thị Phương Th2, sinh ngày 04/8/1986 tại huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 6, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: nguyên cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu; bị cáo là đảng viên Đảng CSVN và hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; trình độ học vấn: Cao đẳng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh Ch và con bà Nguyễn Thị H3, có chồng là Vũ Viết B và có 02 con (con lớn sinh năm 2010 và con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/5/2018 đến nay; có mặt.

7. Phan Quang Ngh1, sinh ngày 08/12/1989 tại huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 19, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: nguyên Trưởng phòng kế toán - ngân quỹ Ngân

hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Nh2 và bà Mai Thị Y; có vợ là Lương Thị Ng2 và có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 14/5/2018 đến nay; có mặt.

** Người bào chữa cho các bị cáo:*

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn S:* Luật sư Nguyễn Văn Ch1, luật sư Trần Hồng Ph1 và luật sư Ngô Thị Thu H4 - Công ty luật TNHH Nguyễn Ch1, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; luật sư Ch1, luật sư H4 có mặt; luật sư Ph1 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Tiến C:*

+ Luật sư Nguyễn Mạnh Th3, luật sư Phạm Quang H5 - Văn phòng luật sư Hưng L, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; đều có mặt.

+ Luật sư Phạm Trung K - Văn phòng luật sư Kiên L1 và cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

+ Luật sư Lê Nguyên Gi - Văn phòng luật sư Nguyên Gi, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Khoàng Thị Nh:*

+ Luật sư Nguyễn Chí Đ1 - Văn phòng luật sư Việt B1, Đoàn luật sư tỉnh Lai Châu; có mặt.

+ Luật sư Nguyễn Công Gi1 - Văn phòng luật sư Dương Tuấn Gi1 và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Nh1:* Luật sư Nguyễn Chí Đ1 - Văn phòng luật sư Việt B1, Đoàn luật sư tỉnh Lai Châu; có mặt.

** Người bị hại không kháng cáo, bị kháng cáo:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank);

Trụ sở: số 2 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Việt H6 - Phó giám đốc Agribank Chi nhánh Lai Châu; có mặt.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam:* Luật gia Nguyễn Cảnh Ph2 - Trung tâm trợ giúp pháp lý - Hội luật gia tỉnh Lai Châu; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Thủy Sản An Gi2;

Trụ sở: số 1234 Trần Hưng Đạo, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1958 - Tổng

giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Hoài Th4, sinh năm 1994; địa chỉ: số 4 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; có mặt.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Gi2:* Luật sư Phạm Danh Tín và luật sư Phạm Thị H7 - Văn phòng luật sư Danh T2, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; luật sư T2 vắng mặt, luật sư H7 có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Liễu Đức M2, Phạm Ngọc D, Nguyễn Hồng V1, Bùi Anh T3, Lò Anh T4, Trịnh Đức L2, Trần Thị Kim O1, Phan Sỹ C1 không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu (viết tắt là Agribank Sìn Hồ), trụ sở tại thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu là chi nhánh cấp II, đơn vị hạch toán phụ thuộc, có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, thực hiện hoạt động kinh doanh theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (viết tắt là Agribank Việt Nam).

Agribank Sìn Hồ được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ/HĐQT-TCCB, ngày 05/01/2004 của Agribank Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100686174-628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp (đăng ký thay đổi lần 1 ngày 22/9/2016).

Trần Văn S được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Agribank Sìn Hồ từ ngày 01/4/2006 đến ngày 01/4/2016. Sau ngày 01/4/2016, S chuyển công tác về Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh tỉnh Lai Châu (viết tắt là Agribank Lai Châu) với chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Agribank Lai Châu; Lò Văn X là Phó Giám đốc Agribank Sìn Hồ được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Agribank Sìn Hồ.

Trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2017, vì động cơ vụ lợi, Trần Văn S với tư cách là Giám đốc Agribank Sìn Hồ (giai đoạn từ năm 2011 đến ngày 01/4/2016) và Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Agribank Lai Châu (giai đoạn từ sau ngày 01/4/2016) cùng đồng phạm thực hiện hành vi tham ô tài sản với các thủ đoạn như sau:

+ Sử dụng tên của một số pháp nhân, cá nhân, giả mạo chữ ký của bên vay, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, uy tín của bản thân, chỉ đạo Liễu Đức M2, Phạm Ngọc D, Nguyễn Hồng V1, Bùi Anh T3, Khoàng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1 là cán

bộ tín dụng lập không 32 bộ hồ sơ vay vốn chiếm đoạt số tiền 39.585.000.000 đồng của Ngân hàng.

+ Dùng thủ đoạn tự đứng tên vay vốn, chỉ đạo Phạm Ngọc D, Khoản Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1 lập 05 hồ sơ vay vốn không đúng quy định, nhờ và chỉ đạo Lò Văn X ký phê duyệt các khoản vay trên trái quy định để chiếm đoạt số tiền 2.650.000.000 đồng của Ngân hàng.

+ Chủ mưu, cùng Lò Văn X (là Phó Giám đốc và sau này là Giám đốc Agribank Sìn Hồ) câu kết với Đặng Tiến C, chỉ đạo Phạm Ngọc D, Liễu Đức M2, Nguyễn Hồng V1 lập không 13 bộ hồ sơ vay vốn nhằm giúp C chiếm đoạt 27.000.000.000 đồng của Ngân hàng (trong đó, S phải chịu trách nhiệm đối với 03 bộ hồ sơ đã ký phê duyệt khoản vay, giải ngân với số tiền 6.400.000.000 đồng; X chịu trách nhiệm đối với 10 bộ hồ sơ đã ký phê duyệt khoản vay, giải ngân với số tiền 20.600.000.000 đồng).

Đối với Liễu Đức M2, Phạm Ngọc D, Nguyễn Hồng V1, Khoản Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1, Bùi Anh T3 dưới sự chỉ đạo của Trần Văn S, Lò Văn X, dù biết việc lập hồ sơ vay vốn không khách hàng, lập hồ sơ vay vốn cho đối tượng không đủ điều kiện vay vốn là vi phạm pháp luật, nhưng vì S, X chỉ đạo nên M2, D, V1, Nh, Nh1, Bùi Anh T3 vẫn cố ý thực hiện hành vi lập hồ sơ trái pháp luật để giúp S, C chiếm đoạt tiền của Ngân hàng mà S, X có trách nhiệm quản lý.

Đối với Trịnh Đức L2, Phan Quang Ngh1, Lò Anh T4, Trần Thị Kim O1, Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Sỹ C mặc dù không được bàn bạc, không biết S và các đồng phạm sử dụng thủ đoạn lập hồ sơ vay vốn không, lập hồ sơ vay vốn không đúng quy định để chiếm đoạt tiền ngân hàng, tuy nhiên, theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Agribank Việt Nam về quy trình cho vay, chế độ kế toán trong các tổ chức tín dụng, quá trình thực hiện nhiệm vụ Trịnh Đức L2, Phan Quang Ngh1, Lò Anh T3, Trần Thị Kim O1, Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Sỹ C đã thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao, thiếu tinh thần trách nhiệm trong việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động giải ngân nên đã tạo điều kiện cho S, C dễ dàng thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của ngân hàng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

Nhóm các bị cáo thực hiện hành vi tham ô tài sản:

1. Bị cáo Trần Văn S:

Trần Văn S khi làm Giám đốc Agribank Sìn Hồ, là người đứng đầu của ngân hàng, có trách nhiệm trong tổ chức, chỉ đạo việc thực hiện các quy định, quy trình của Agribank Việt Nam, bảo đảm việc kinh doanh đúng theo quy định; đồng thời là người chịu trách nhiệm trong toàn bộ hoạt động của ngân hàng. Trong hoạt động cấp tín dụng, S với tư cách là người có thẩm quyền phê duyệt khoản vay và phê duyệt giải ngân, tuy nhiên để có tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, lợi dụng chức

vụ, quyền hạn của bản thân, S đã chỉ đạo cấp dưới lập không các hồ sơ, lập hồ sơ vay vốn không đúng quy định nhằm chiếm đoạt tiền của ngân hàng, cụ thể:

1.1. Hành vi chỉ đạo lập không 32 bộ hồ sơ vay vốn chiếm đoạt số tiền 39.585.000.000 đồng của ngân hàng.

1.1.1. Trong thời gian từ năm 2011 đến ngày 01/4/2016 khi Trần Văn S làm Giám đốc Agribank Sìn Hồ: S đã lấy tên các cá nhân (là người nhà của S), mượn tên pháp nhân (các Hợp tác xã, doanh nghiệp có quan hệ vay vốn với Agribank Sìn Hồ), giả mạo chữ ký của cá nhân, người có thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, chỉ đạo các nhân viên dưới quyền lập không 24 bộ hồ sơ với số tiền 27.820.000.000 đồng để chiếm đoạt tài sản của ngân hàng, cụ thể:

1.1.1.1. Hành vi lấy tên các pháp nhân, mượn con dấu, ký giả chữ ký của người đại diện theo pháp luật của các pháp nhân, chỉ đạo cấp dưới lập không 15 bộ hồ sơ với 04 khách hàng là pháp nhân, cụ thể:

- Tên khách hàng Hợp tác xã nông lâm nghiệp và dịch vụ Chất Phát (viết tắt là HTX NLN&DV Chất Phát), địa chỉ tại khu 2, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu do ông Vũ Văn Hóa làm Giám đốc: S mượn con dấu của HTX NLN&DV Chất Phát, sau đó chỉ đạo Liễu Đức M2, Phạm Ngọc D, Nguyễn Hồng Việt lập không hồ sơ vay vốn, S ký giả chữ ký ông Hóa và lấy dấu HTX NLN&DV Chất Phát đóng dấu trên hồ sơ vay vốn, còn M2, D, V1 ký cán bộ tín dụng và kiểm soát khoản vay. Sau đó, S phê duyệt khoản vay, ký giả chữ ký khách hàng trên Giấy lĩnh tiền mặt, Phiếu chuyển khoản để chiếm đoạt 6.725.000.000 đồng, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng (viết tắt là HĐTD) số 7803-LAV-201500840 ngày 07/8/2015 với số tiền vay 600.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát giải ngân Phan Quang Ngh1. Giao dịch chuyển tiền, rút tiền từ tài khoản giải ngân: Giao dịch viên quỹ chính Trần Thị Kim O1, thủ quỹ Nguyễn Thị Phương Th2, phê duyệt giải ngân Trần Văn S.

Giải ngân ủy nhiệm chi ngày 07/8/2015 số bút toán 51 chuyển tiền vào tài khoản 7803201000954 của HTXNLN&DV Chất Phát. Cùng ngày, S rút séc tiền mặt AQ2508091 lấy tiền để nộp tiền mặt số bút toán 10 số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản của Vũ Văn Kiên.

Giải ngân ủy nhiệm chi ngày 11/8/2015 số bút toán 57 chuyển tiền vào tài khoản 7803201000954 của HTXNLN&DV Chất Phát. Cùng ngày, S rút séc tiền mặt AQ2508092 lấy tiền để nộp tiền mặt số bút toán 76 số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản của Vũ Văn K2.

+ HĐTD số 7803-LAV-201500916 ngày 25/8/2015 với số tiền vay 1.000.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên quỹ chính Trần Thị Kim O1, thủ quỹ Nguyễn Thị Phương Th2, phê duyệt giải ngân Trần Văn S.

Giải ngân ngày 25/8/2015 số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích mua vật liệu xây dựng. Thực tế chi ngày 25/8/2015 số bút toán 10 chuyển tiền vào tài khoản 7803201000954 của HTX Chát Phát. Cùng ngày, S rút séc tiền mặt AQ2508094 lấy tiền để nộp tiền mặt số bút toán 13 số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của Vũ Văn K2.

+ HĐTD số 7803-LAV-201501126 ngày 09/10/2015 với số tiền vay 225.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Nguyễn Hồng V1 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát giải ngân Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ngày 09/10/2015 số tiền 225.000.000 đồng, mục đích mua vật liệu xây dựng. Thực tế giải ngân bằng tiền mặt, giấy lĩnh tiền vay số bút toán 57 ngày 09/10/2015. Cùng ngày, S dùng số tiền 225.000.000 đồng để tất toán các hợp đồng tín dụng mà S lập không trước đó và đều mang tên Lương Thị Thủy, cụ thể là các hợp đồng tín dụng sau: HĐTD số 7803LAV201500375, HĐTD số 7803LAV201500764 và HĐTD số 7803LAV201501103.

+ HĐTD số 7803-LAV-201501151 ngày 15/10/2015 với số tiền vay 950.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Nguyễn Hồng V1 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Văn Nh1, kiểm soát giải ngân Phan Quang Ngh1. Giao dịch chuyển tiền, rút tiền từ tài khoản giải ngân: Giao dịch viên Trần Thị Kim O1, phê duyệt giải ngân Trần Văn S.

Giải ngân ngày 15/10/2015 số tiền 950.000.000 đồng, mục đích mua máy xúc đào bánh Hitachi ZX270LC. Thực tế giải ngân ủy nhiệm chi ngày 15/10/2015 số bút toán 14 chuyển tiền vào tài khoản 7803201000954 của HTX Chát Phát. Cùng ngày, S chuyển vào tài khoản cho Trần Chí Thành ở thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa (nay là thị xã Sa Pa), tỉnh Lào Cai số tài khoản 8804205001234 giấy ủy nhiệm chi số bút toán 28 số tiền 950.000.000 đồng.

+ HĐTD số 7803-LAV-201501235 ngày 29/10/2015 với số tiền vay 2.200.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát giải ngân Trần Văn S. Giao dịch chuyển tiền, rút tiền từ tài khoản giải ngân: Giao dịch viên Trần Thị Kim O1, Nguyễn Thị Thùy, kiểm soát giải ngân trên hệ thống Phan Quang Ngh1, kiểm soát giải ngân chứng từ giấy Trần Văn S.

Giải ngân ngày 29/10/2015 số tiền 2.200.000.000 đồng, mục đích mua vật liệu xây dựng. Thực tế giải ngân ủy nhiệm chi ngày 29/10/2015 số bút toán 59 chuyển tiền vào tài khoản số 7803201000954 của HTX Chát Phát. Sau đó, chuyển vào tài khoản số 7803201001277 của Công ty TNHH MTV XD&TM Trung Hiếu số tiền 2.156.000.000 đồng ủy nhiệm chi bút toán số 159 ngày 29/10/2015 (thu nợ vay của Công ty TNHH MTV XD&TM Trung Hiếu do S lập không hồ sơ chiếm đoạt tiền trước đó qua HĐTD số 7803LAV 201100369 ngày 14/10/2011). Còn lại, S rút tiền chuyển cho Vũ Văn K2 44.000.000 đồng ủy nhiệm chi bút toán số 89 ngày 30/10/2015.

+ HĐTD số 7803-LAV-201501285 ngày 10/11/2015 với số tiền vay 550.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát giải ngân Phan Quang Ngh1. Giao dịch chuyển tiền, rút tiền từ tài khoản giải ngân: Giao dịch viên Trần Thị Kim O1, phê duyệt giải ngân Trần Văn S.

Giải ngân ngày 10/11/2015 số tiền 550.000.000 đồng, mục đích trả tiền mua vật liệu xây dựng. Thực tế giải ngân ủy nhiệm chi ngày 10/11/2015 số bút toán 80 chuyển tiền vào tài khoản 7803201000954 của HTX Chát Phát. Cùng ngày, S rút séc tiền mặt AQ2508095 và nộp tiền bút toán số 30 chuyển số tiền 550.000.000 đồng vào tài khoản Vũ Văn K2.

+ HĐTD số 7803-LAV-201501526 ngày 15/12/2015 với số tiền vay 500.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát giải ngân Phan Quang Ngh1. Giao dịch chuyển tiền, rút tiền từ tài khoản giải

ngân: Giao dịch viên quỹ chính Trần Thị Kim O1, thủ quỹ Nguyễn Thị Phương Th2, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ngày 15/12/2015 số tiền 500.000.000 đồng, mục đích trả tiền mua vật liệu xây dựng. Thực tế giải ngân ủy nhiệm chi ngày 15/12/2015 số bút toán 49 chuyển tiền vào tài khoản 7803201000954 của HTX Chát Phát. Cùng ngày, S rút séc tiền mặt AR1058903 và nộp tiền mặt bút toán số 77 chuyển số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản Vũ Văn K2.

+ HĐTD số 7803-LAV-201600425 ngày 31/3/2016 với số tiền vay 500.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Trần Văn S, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát giải ngân Phan Quang Ngh1. Giao dịch chuyển tiền, rút tiền từ tài khoản giải ngân: Giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ngày 31/3/2016 số tiền 500.000.000 đồng, mục đích trả tiền mua vật liệu xây dựng. Thực tế giải ngân ủy nhiệm chi ngày 31/3/2016 số bút toán 79 chuyển tiền vào tài khoản 7803201000954 của HTX Chát Phát. Cùng ngày, S rút séc tiền mặt AR1064839 số tiền 500.000.000 đồng.

+ HĐTD số 7803-LAV-201500568 ngày 08/6/2015 với số tiền vay 200.000.000 đồng (đã tất toán):

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Nguyễn Hồng V1 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát giải ngân Trịnh Đức L2.

Giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 42 ngày 08/6/2015 số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó rút tiền mặt, S lấy tên Vũ Văn K2 nộp số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của Vũ Văn K2.

- Tên khách hàng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xây dựng và Thương mại Trung Hiếu (viết tắt là Công ty TNHH MTV XD&TM Trung Hiếu) địa chỉ khu 2, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu do ông Nguyễn Văn Tiến làm Giám đốc. S mượn con dấu Công ty TNHH MTV XD&TM Trung Hiếu, sau đó chỉ đạo cán bộ tín dụng lập khống hồ sơ, S ký giả tên ông Tiến trên hợp đồng vay vốn, chứng từ giải ngân để chiếm đoạt số tiền 2.150.000.000 đồng, cụ thể:

+ HĐTD số 7803-LAV-201100369 ngày 14/10/2011 với số tiền vay 1.600.000.000 đồng (đã tất toán):

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Bùi Anh T3 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Trần Văn S, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Bùi Anh T3, kiểm soát giải ngân Trịnh Đức L2.

Giải ngân ủy nhiệm chi chứng từ giao dịch số seri 780311J000000575, ngày 14/10/2011 số tiền 1.600.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH MTV XD&TM Trung Hiếu. S tiếp tục ủy nhiệm chi chuyển số tiền số tiền 1.165.000.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Huy Ánh (địa chỉ tại Long Biên, Hà Nội) để cho Vũ Văn K2 vay thanh toán tiền mua xe ô tô; ủy nhiệm chi chuyển 400.000.000 đồng vào tài khoản Công ty TNHH Quang Chiến cho Vũ Văn K2 vay; số tiền còn lại, S rút tiền mặt.

+ HĐTD số 7803-LAV-201300123 ngày 27/3/2013 với số tiền vay 550.000.000 đồng (đã tất toán):

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Trần Văn S, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Phạm Ngọc D, kiểm soát giải ngân Phan Sỹ C.

Giải ngân giấy lĩnh tiền vay số bút toán 18 ngày 27/3/2011 số tiền 550.000.000 đồng, S rút tiền mặt để chiếm đoạt.

- Tên khách hàng Hợp tác xã Quốc Anh (viết tắt là HTX Quốc Anh) địa chỉ khu 2, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu do ông Nguyễn Văn Khuýnh làm Giám đốc. S mượn con dấu của HTX Quốc Anh, sau đó chỉ đạo các cán bộ tín dụng lập không hồ sơ, S ký giả tên ông Khuýnh và lấy dấu đóng trên hồ sơ. Liễu Đức M2 cán bộ tín dụng, Phạm Ngọc D và Trần Văn S ký kiểm soát khoản vay. S ký phê duyệt khoản vay và S ký giả chữ ký khách hàng trên Giấy lĩnh tiền mặt hoặc Phiếu chuyển khoản để chiếm đoạt số tiền 5.820.000.000 đồng, cụ thể:

+ HĐTD số 7803-LAV-201600285 ngày 14/3/2016 với số tiền vay 3.300.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Trần Văn S, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, không có người kiểm soát giải ngân.

Mục đích vay trên hồ sơ không là xuất khẩu cá đông lạnh. Giải ngân lĩnh tiền vay bút toán số 43, ngày 14/3/2016 số tiền 3.300.000.000 đồng. Sau đó, S dùng số tiền này để trả nợ cho HTX xã xây dựng Phương Đông (địa chỉ tại thị trấn Sìn

Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu), do trước đây S lấy tên HTX xây dựng Phương Đông để lập không hồ sơ chiếm đoạt tiền sử dụng.

+ HĐTD số 7803-LAV-201600427 ngày 01/4/2016 với số tiền vay 2.520.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Trần Văn S, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát giải ngân Phan Quang Ngh1. Giao dịch chuyển tiền, rút tiền từ tài khoản giải ngân: Giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 14, ngày 01/4/2016 số tiền 2.520.000.000 đồng chuyển vào tài khoản HTX Quốc Anh. Cùng ngày, ủy nhiệm chi số bút toán 15 số tiền 2.520.000.000 đồng chuyển vào Công ty TNHH Quang Chiến. Sau đó, S sử dụng tài khoản của Công ty TNHH Quang Chiến chuyển tiền vào tài khoản của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Thủy sản An Gi2 (viết tắt là Công ty thủy sản An Gi2).

- Tên khách hàng Công ty TNHH Quang Chiến (viết tắt là Công ty Quang Chiến), địa chỉ khu 2, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu do ông Vũ Văn K2 làm Giám đốc. S lấy con dấu của Công ty TNHH Quang Chiến, sau đó chỉ đạo cán bộ tín dụng lập không hồ sơ, S ký giả chữ ký của ông K2 vào hồ sơ vay vốn không, chứng từ rút tiền để chiếm đoạt số tiền 3.200.000.000 đồng, cụ thể:

+ HĐTD số 7803-LAV-201600203 ngày 19/02/2016 với số tiền vay 1.600.000.000 đồng (đã trả nợ được 822.273.000 đồng, dư nợ 777.727.000 đồng):

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ủy nhiệm chi không ghi số bút toán ngày 19/02/2016 số tiền 1.600.000.000 đồng được S chuyển vào tài khoản của Công ty Quang Chiến. Sau đó, S tiếp tục sử dụng số tài khoản của Công ty Quang Chiến để chuyển tiền vào tài khoản của Công ty thủy sản An Gi2.

+ HĐTD số 7803-LAV-201600233 ngày 04/03/2016 với số tiền vay 1.600.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Trần Văn S, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 24, ngày 04/3/2016 số tiền 1.600.000.000 đồng được S chuyển vào tài khoản của Công ty Quang Chiến. Sau đó, S tiếp tục sử dụng số tài khoản của Công ty Quang Chiến để chuyển tiền vào tài khoản của Công ty thủy sản An Gi2.

1.1.1.2. Hành vi lấy tên người thân trong gia đình, giả mạo chữ ký trên hợp đồng vay vốn và các chứng từ giải ngân. Trần Văn S đã chỉ đạo cấp dưới lập không 09 bộ hồ sơ với 05 khách hàng là cá nhân, cụ thể:

- Tên khách hàng Lương Thị Thủy (vợ S) địa chỉ khu 6, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. S lấy tên chị Thủy, ký giả tên chị Thủy trên hồ sơ vay vốn không, chứng từ giải ngân để chiếm đoạt số tiền 325.000.000 đồng, cụ thể:

+ HĐTD số 7803-LAV-201500375 ngày 27/4/2015 với số tiền vay 200.000.000 đồng (đã tắt toán):

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Nguyễn Hồng V1 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Trần Văn S, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát viên Trịnh Đức L2.

Giải ngân giấy lĩnh tiền vay số bút toán 72, ngày 27/4/2015 số tiền 200.000.000 đồng, S rút tiền mặt để chiếm đoạt.

+ HĐTD số 7803-LAV-201500764 ngày 24/7/2015 với số tiền vay 105.000.000 đồng (đã tắt toán):

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Nguyễn Văn Nh1 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát viên Trịnh Đức L2.

Giải ngân giấy lĩnh tiền vay số bút toán 58, ngày 24/7/2015 số tiền 105.000.000 đồng, S nộp tiền vào tài khoản cá nhân của Vũ Văn K2 (giấy nộp tiền) số bút toán 32, ngày 24/7/2015 số tiền 105.000.000 đồng.

+ HĐTD số 7803-LAV-2015011030 ngày 01/10/2015 với số tiền vay 20.000.000 đồng (đã tắt toán):

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Khoản Thị Nh tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Trần Văn S, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát viên Trần Văn S.

Giải ngân lĩnh tiền vay số bút toán 24, ngày 01/10/2015 số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó, S nộp tiền vào tài khoản cá nhân của Vũ Văn K2 (02 giấy nộp tiền)

số bút toán 73, ngày 16/10/2015 số tiền 11.000.000 đồng và số bút toán 74, ngày 16/10/2015 số tiền 9.000.000 đồng.

- Tên khách hàng Trần Hoa Đại (anh trai S) lấy địa chỉ giả là khu 3, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu mà địa chỉ thực là phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. S lấy tên anh Đại, ký giả tên anh Đại trên hồ sơ vay vốn không, chứng từ giải ngân để chiếm đoạt số tiền 1.620.000.000 đồng thông qua HĐTD số 7803-LAV201600236 ngày 04/3/2016.

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 43, ngày 04/3/2016 số tiền 1.620.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 7803215000391 (số tài khoản lập không). Cùng ngày, S chuyển số tiền này vào tài khoản Công ty Quang Chiến tại giấy ủy nhiệm chi số bút toán 88. Sau đó, S sử dụng tài khoản Công ty Quang Chiến chuyển tiền vào tài khoản Công ty thủy sản An Gi2.

- Tên khách hàng Trần Thị Hà (chị gái S) lấy địa chỉ giả là khu 6, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu mà địa chỉ thực là phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. S lấy tên chị Hà, ký giả tên chị Hà trên hồ sơ không, chứng từ giải ngân để chiếm đoạt 2.270.000.000 đồng, cụ thể:

+ HĐTD số 7803-LAV-201400522 ngày 03/7/2014 với số tiền vay 1.100.000.000 đồng (đã tắt toán):

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Trịnh Đức L2.

Giải ngân ủy nhiệm chi không ghi số bút toán số tiền 1.100.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của Trần Thị Hà (tài khoản lập không). Sau đó, S rút tiền mặt để chiếm đoạt.

+ HĐTD số 7803-LAV-201500666 ngày 03/7/2015 với số tiền vay 1.170.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát viên Trịnh Đức L2.

Mục đích vay trên hồ sơ không: mua nhà ở (trên báo cáo thẩm định là mục đích mua đất ở xã Nậm Tăm, Sìn Hồ). Tài sản bảo đảm tiền vay: Hợp đồng thế

chấp tài sản bên thứ 3 số 7803LCL701400135 ngày 03/7/2014, giá trị 1.800.000.000 đồng mang tên Nguyễn Khắc Vũ (địa chỉ: xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ). Trần Văn S ký giả tên ông Nguyễn Khắc Vũ trong hợp đồng thế chấp để làm không hồ sơ.

Thực tế giải ngân giấy lĩnh tiền mặt số bút toán 55, ngày 03/7/2014 số tiền 1.170.000.000 đồng. S dùng số tiền này để tắt toán Hợp đồng tín dụng số 7803-LAV-201400522 ngày 03/7/2014 số tiền vay 1.100.000.000 đồng mang tên Trần Thị Hà do S lập không chiếm đoạt tiền sử dụng trước đó.

- Tên khách hàng Trần Văn Hải (anh trai S) lấy địa chỉ giả là khu 6, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu mà địa chỉ thực là phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. S lấy tên anh Hải, ký giả tên anh Hải trên hồ sơ vay vốn không, chứng từ giải ngân để chiếm đoạt số tiền 2.840.000.000 đồng thông qua HĐTD số 7803-LAV-201600002 ngày 04/01/2016:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Mục đích vay vốn trên hồ sơ lập không: xây nhà ở (trên dự toán khách hàng là xây nhà 3 tầng 400m² tại phường Đông Phong, thành phố Lai Châu), không có tài sản bảo đảm.

Thực tế giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 37, ngày 04/01/2016 số tiền 2.840.000.000 đồng chuyển vào tài khoản tiền gửi của khách hàng Trần Văn Hải số tài khoản 7803205032667. S rút tiền từ tài khoản giấy lĩnh tiền mặt bút toán số 174, ngày 04/01/2016. Cùng ngày, S lấy tên Vũ Văn K2 nộp tiền mặt 2.840.000.000 đồng vào tài khoản số 7803201000817 của Công ty Quang Chiến theo giấy nộp tiền bút toán số 30. Sau đó, tiếp tục sử dụng tài khoản của Công ty Quang Chiến để chuyển khoản cho Công ty thủy sản An Gi2.

- Tên khách hàng Trần Văn T (bố đẻ S) địa chỉ khu 6, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu (ông T chết đầu năm 2016). S lấy tên ông T, ký giả tên ông T trên hồ sơ vay vốn không, chứng từ giải ngân để chiếm đoạt 2.870.000.000 đồng, cụ thể:

+ HĐTD số 7803-LAV-201400518 ngày 02/7/2014 với số tiền vay 1.360.000.000 đồng (đã tắt toán):

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Trần Văn S, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Trịnh Đức L2.

Giải ngân ủy nhiệm chi không ghi số bút toán số tiền 1.360.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của ông Trần Văn T, sau đó, S rút tiền mặt chiếm đoạt.

+ HĐTD số 7803-LAV-201500665 ngày 03/7/2015 với số tiền vay 1.510.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát viên Trịnh Đức L2.

Tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp số 7803LCL201200128 ngày 09/7/2012 và hợp đồng thế chấp số 7803LCL2013000124 ngày 27/9/2013, tổng giá trị tài sản 950.000.000 đồng. S lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T để thế chấp, S ký không tên ông T trên hợp đồng để lập không hồ sơ.

Mục đích vay vốn trên hồ sơ lập không là mua đất tại xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ. Thực tế giải ngân: giấy lĩnh tiền vay bút toán số 53, ngày 03/7/2015 số tiền 1.510.000.000 đồng, S dùng số tiền này để trả nợ tất toán hồ sơ vay 1.360.000.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số 7803-LAV-201400518 ngày 02/7/2014 đứng tên Trần Văn T mà S lập không để chiếm đoạt tiền trước đó. Chứng từ giao dịch tất toán bút toán số 52, ngày 03/7/2015 số tiền 1.512.716.667 đồng.

1.1.2. Trong thời gian từ sau ngày 01/4/2016, Trần Văn S chuyển về làm Trưởng phòng Kinh doanh tại Agribank Lai Châu, Lò Văn X được bổ nhiệm làm Giám đốc Agribank Sìn Hồ. Do cần tiền để sử dụng, S với tư cách là Trưởng phòng Kinh doanh Agribank Lai Châu và cũng từng là lãnh đạo Agribank Sìn Hồ, S tiếp tục chỉ đạo Liễu Đức M2, Phạm Ngọc D, cùng với thủ đoạn nêu trên để lập không 08 hồ sơ vay vốn và nhờ X ký phê duyệt hồ sơ, giải ngân để S rút số tiền 11.765.000.000 đồng để chiếm đoạt tài sản của ngân hàng, cụ thể:

- Tên khách hàng Công ty TNHH MTV XD&TM Trung Hiếu: HĐTD số 7803-LAV201600459 ngày 08/4/2016 với số tiền vay 1.700.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1. Giao dịch chuyển tiền, rút tiền từ tài khoản giải ngân: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 69, ngày 08/4/2016 số tiền 1.700.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH MTV XD&TM Trung Hiếu. Cùng ngày, S ký không tên khách hàng vào ủy nhiệm chi số bút toán 73 số tiền 1.700.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của Công ty Quang Chiến. Sau đó dùng tài khoản của Công ty Quang Chiến để chuyển khoản cho Công ty thủy sản An Gi2.

- Tên khách hàng HTX NLN&DV Ch�t Phát:

+ HĐTD số 7803-LAV-201600768 ngày 23/6/2016 với số tiền vay 875.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, không có người phê duyệt khoản vay.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, không có người kiểm soát giải ngân, ký giải ngân chứng từ Lò Văn X (ký duyệt giấy lĩnh tiền).

Giải ngân lĩnh tiền vay bút toán số 54, ngày 23/6/2016 số tiền 875.000.000 đồng, mục đích xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng. Sau đó, S dùng trả nợ cho các HĐTD mà S lập không để chiếm đoạt tiền trước đó, cụ thể:

Số tiền 216.187.500 đồng để trả nợ cho HĐTD 7803-LAV-201500568 của HTX NLN&DV Ch�t Phát (chứng từ giao dịch số bút toán 22 ngày 23/6/2016);

Số tiền 660.206.250 đồng để trả nợ cho HĐTD 7802-LAV-201300123 của Công ty TNHH MTV XD&TM Trung Hiếu (chứng từ giao dịch số bút toán 23 ngày 23/6/2016).

+ HĐTD số 7803-LAV-201600958 ngày 22/7/2016 với số tiền vay 500.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, không có người phê duyệt khoản vay.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1, ký giải ngân chứng từ Lò Văn X (ký duyệt giấy lĩnh tiền).

Mục đích sử dụng tiền vay là trả tiền mua vật liệu xây dựng.

Thực tế, S làm ủy nhiệm chi số bút toán 50 ngày 22/7/2016 chuyển số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản số 7803201000954 của HTX NLN&DV Ch�t Phát, sau đó chuyển tiếp số tiền này vào tài khoản 1400205444222 của Nguyễn Văn Thọ để Thọ rút ra đưa cho Vũ Văn K2. Số tiền vay còn lại, S lĩnh tiền vay (giấy lĩnh tiền vay số bút toán 48 ngày 22/7/2016) số 100.000.000 đồng.

- Tên khách hàng HTX Quốc Anh: HĐTD số 7803-LAV-201600460 ngày 08/4/2016 với số tiền vay 2.070.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt, quyết định khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 70 ngày 08/4/2016 số tiền 2.070.000.000 đồng vào tài khoản của HTX Quốc Anh. Cùng ngày, S chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Quang Chiến số bút toán 72 số tiền 2.070.000.000 đồng. Sau đó, S sử dụng tài khoản của Công ty Quang Chiến chuyển tiền vào tài khoản cho Công ty thủy sản An Gi2.

- Tên khách hàng Trần Thị Hồng (chị gái cùng bố khác mẹ của S và đã chết từ khi còn nhỏ) lấy địa chỉ giả khu 3, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu:

+ HẾTĐ số 7803-LAV-201600599 ngày 12/5/2016 với số tiền vay 1.900.000.000 đồng (đã tất toán):

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 84 ngày 12/5/2016 số tiền 1.900.000.000 đồng chuyển vào tài khoản đứng tên Trần Thị Hồng (tài khoản lập khống). Sau đó, S tiếp tục chuyển số tiền này từ tài khoản Trần Thị Hồng vào tài khoản của Công ty Quang Chiến (ủy nhiệm chi bút toán số 85 ngày 12/5/2016). S dùng tài khoản của Công ty Quang Chiến để chuyển tiếp 1.900.000.000 đồng đến tài khoản của Công ty thủy sản An Gi2.

+ HẾTĐ số 7803-LAV-201600965 ngày 27/7/2016 với số tiền vay 220.000.000 đồng (đã tất toán):

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 09 ngày 27/7/2016 số tiền 220.000.000 đồng chuyển vào tài khoản đứng tên Trần Thị Hồng (tài khoản lập khống). Sau đó, S tiếp tục chuyển số tiền này từ tài khoản Trần Thị Hồng vào tài khoản 1400205444222 của Nguyễn Văn Thọ tại Hà Nội (ủy nhiệm chi bút toán số 15 ngày 27/7/2016) để Thọ rút tiền mặt đưa cho Vũ Văn K2.

- Tên khách hàng Trần Thị Bắc (chị gái S) lấy địa chỉ giả ở khu 2, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu: HẾTĐ số 7803-LAV-201600578 ngày 06/5/2016 với số tiền vay 2.800.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 63 ngày 06/5/2016 số tiền 2.800.000.000 đồng chuyển vào tài khoản đứng tên Trần Thị Bắc. Sau đó, S tiếp tục chuyển số tiền này từ tài khoản Trần Thị Bắc vào tài khoản của Công ty Quang Chiến (ủy nhiệm chi bút toán số 113 ngày 06/5/2016). S dùng tài khoản của Công ty Quang Chiến chuyển tiếp 2.800.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty thủy sản An Gi2.

- Tên khách hàng Trần Thị Hà (chị gái S) lấy địa chỉ giả ở khu 6, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu: HĐTD số 7803-LAV-201600518 ngày 20/4/2016 với số tiền vay 1.700.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân lĩnh tiền vay số bút toán 59 ngày 20/4/2016 số tiền 1.700.000.000 đồng, chiếm đoạt được số tiền này, S nộp tiền vào tài khoản của Công ty Quang Chiến (giấy nộp tiền bút toán số 84 ngày 20/4/2016). S dùng tài khoản của Công ty Quang Chiến chuyển tiếp 1.700.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty thủy sản An Gi2.

1.2. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn khi còn làm Giám đốc Agribank Sìn Hồ, Trần Văn S đã chỉ đạo Phạm Ngọc D - Phó phòng Kinh doanh, Khoàng Thị Nh và Nguyễn Văn Nh1 - Cán bộ tín dụng Agribank Sìn Hồ lập 05 hồ sơ vay vốn cho S đứng tên trái quy định của pháp luật, chỉ đạo Lò Văn X là Phó Giám đốc Agribank Sìn Hồ ký phê duyệt giải ngân các hồ sơ trên khi chưa được sự chấp nhận của Hội đồng thành viên ..., nhằm che dấu sự kiểm soát của người có thẩm quyền để rút 2.650.000.000 đồng để chiếm đoạt tài sản của ngân hàng, cụ thể:

- HĐTD số 7803-LAV-201501335 ngày 13/11/2015 với số tiền vay 310.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Khoàng Thị Nh tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát viên Trần Văn S.

Mục đích vay là sửa chữa nhà ở.

Thực tế giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 89 ngày 13/11/2015 số tiền 310.000.000 đồng. Sau đó, S dùng để tắt toán hồ sơ vay có mã giải ngân 7803LDS201401401.

- HĐTD số 7803-LAV-201600101 ngày 15/01/2016 với số tiền vay 540.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Khoản Thị Nh tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Mục đích vay là mua đất ở.

Thực tế giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 39 ngày 15/01/2016 số tiền 540.000.000 đồng. Sau đó, S dùng để tất toán hồ sơ vay có mã giải ngân 7803LDS201500014 mà S vay trước đó tại ngân hàng.

- HĐTD số 7803-LAV-201600146 ngày 26/01/2016 với số tiền vay 1.000.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) không xác định được chữ ký, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Mục đích vay là mua đất ở, nhà ở.

Thực tế giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 106 ngày 26/01/2016 số tiền 1.000.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của Trần Văn S. Sau đó, S ủy nhiệm chi số bút toán 35 ngày 02/02/2016 chuyển vào tài khoản cá nhân Vũ Văn K2 1.000.000.000 đồng.

- HĐTD số 7803-LAV-201600276 ngày 11/3/2016 với số tiền vay 600.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Mục đích vay là nâng cấp nhà ở.

Thực tế giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 46 ngày 11/3/2016 chuyển số tiền 600.000.000 đồng vào tài khoản Trần Văn S. Sau đó, S ủy nhiệm chi bút toán số 03, ngày 11/3/2016 chuyển 600.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân Vũ Văn K2.

- HĐTD số 7803-LAV-201600111 ngày 18/01/2016 với số tiền vay 200.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Nguyễn Văn Nh1 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, không có người phê duyệt khoản vay.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Lò Văn X.

Mục đích vay là sửa chữa nhà ở.

Thực tế giải ngân giấy lĩnh tiền vay bút toán số 18 ngày 18/01/2016 số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó, S nộp tiền bút toán số 97 ngày 18/01/2016 số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của Vũ Văn K2.

1.3. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn khi còn làm Giám đốc Agribank Sin Hồ, Trần Văn S đã thông đồng với Đặng Tiến C - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đức C (viết tắt là Công ty Đức C), lập hồ sơ khống để rút 6.400.000.000 đồng từ ngân hàng để chiếm đoạt tài sản của ngân hàng, cụ thể:

Năm 2015 do thiếu vốn làm công trình, Đặng Tiến C là Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Đức C (nay là Công ty Đức C), trụ sở tại xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu gặp Trần Văn S Giám đốc Agribank Sin Hồ và đặt vấn đề cho Công ty của C vay tiền với danh nghĩa lấy tên một số tổ chức, cá nhân để lập hồ sơ vay vốn. Do doanh nghiệp C đã hết hạn mức vay vốn theo quy định nên không thể vay vốn được nữa nhưng S thấy doanh nghiệp của C đang thi công công trình lớn, có khả năng trả nợ sau này nên đã nhất trí cho C vay bằng cách lấy tên các cá nhân, ký giả chữ ký người vay tiền, lấy tên doanh nghiệp khác, mượn con dấu, ký giả chữ ký người đại diện theo pháp luật để lập khống hồ sơ vay vốn, thời hạn dự tính vay là 06 tháng khi nào doanh nghiệp thanh toán tiền công trình sẽ trả nợ cho ngân hàng. S đã chỉ đạo Phạm Ngọc D (là Phó Phòng Kinh doanh), Nguyễn Hồng V1 (là cán bộ tín dụng) lập các hồ sơ vay vốn khống dựa trên các thông tin mà C cung cấp như tên khách hàng, số tiền vay, tài sản bảo đảm Sau đó, C ký giả vào các hồ sơ vay vốn và chứng từ giải ngân. Tiếp đó, S ký phê duyệt và giải ngân 03 hợp đồng vay vốn khống cho C với số tiền là 6.400.000.000 đồng, C đã sử dụng vào mục đích cá nhân và đến nay không thể khắc phục được, cụ thể:

- Tên khách hàng Vũ Đức Thiệu (là người làm thuê cho C), địa chỉ tại xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu: HĐTD số 7803-LAV-201501109 ngày 05/10/2015 với số tiền vay 900.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Nguyễn Hồng V1 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát viên không ký.

Giải ngân ủy nhiệm chi bút toán số 30 ngày 05/10/2015 số tiền 900.000.000 đồng vào tài khoản của DNTN Đức C. Sau đó, Đặng Tiến C rút séc tiền mặt AQ3101183 ngày 06/10/2015 số tiền 900.000.000 đồng để chiếm đoạt.

- Tên khách hàng Vũ Văn Mạnh (là nhân viên Công ty của C), địa chỉ tại xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu: HĐTD số 7803-LAV-201500655 ngày 30/6/2015 với số tiền vay 3.000.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Nguyễn Hồng V1 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Trần Văn S, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát viên Trịnh Đức L2.

Giải ngân ủy nhiệm chi bút toán số 30 ngày 30/6/2015 số tiền 2.500.000.000 đồng; giải ngân ủy nhiệm chi bút toán số 22 ngày 02/7/2015 số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản Vũ Văn Mạnh. Sau đó, ủy nhiệm chi bút toán số 36 ngày 30/6/2015 số tiền 1.590.000.000 đồng cho Nguyễn Ngọc Tuấn (Tuấn là cháu Đặng Tiến C, Tuấn hiện đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, Tuấn đứng ra vay vốn tại Agribank Sìn Hồ theo HĐTD số 7803-LAV-201301015, sau đó cho C mượn tiền vay để sử dụng). Giấy lĩnh tiền bút toán số 191 ngày 30/6/2015 số tiền 909.900.000 đồng; giấy lĩnh tiền bút toán số 85 số tiền 300.000.000 đồng, C lĩnh tiền mặt sử dụng vào mục đích thi công công trình. Ủy nhiệm chi bút toán số 86 ngày 02/7/2015 số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân C, C sử dụng cá nhân (C khai cho S mượn và đã được hoàn trả).

- Tên khách hàng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng và thương mại Nam C (tắt là Công ty Nam C), địa chỉ xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu do ông Vũ Đức Thiệu làm Giám đốc: HĐTD số 7803-LAV-201501280 ngày 10/11/2015 với số tiền vay 2.500.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ủy nhiệm chi bút toán số 46 ngày 10/11/2015 số tiền 2.500.000.000 đồng vào tài khoản Công ty Nam C, sau đó ủy nhiệm chi bút toán số 49 ngày 10/11/2015 số tiền 2.196.868.056 đồng vào tài khoản DNTN Đức C (trả nợ cho khoản vay trước đó của DNTN Đức C). C rút séc tiền mặt AQ31001189 số tiền 300.000.000 đồng để chiếm đoạt.

1.4. Tổng số tiền Trần Văn S chiếm đoạt và giúp Đặng Tiến C chiếm đoạt của ngân hàng là 48.635.000.000 đồng, hiện còn chưa khắc phục được là 47.257.201.528 đồng (bao gồm: tiền gốc, tiền lãi chưa tất toán tính đến thời điểm khởi tố vụ án), cụ thể:

1.4.1. Tổng số tiền Trần Văn S trực tiếp chiếm đoạt của ngân hàng là 42.235.000.000 đồng (trong đó, số tiền S đã tất toán là 8.077.728.000 đồng, số tiền còn lại chưa tất toán là 34.157.272.000 đồng; tiền lãi của số tiền 34.157.272.000 đồng tính đến thời điểm khởi tố là 5.994.776.612 đồng (bao gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn). Tổng số tiền S trực tiếp gây thiệt hại cho ngân

hàng tính đến thời điểm khởi tố vụ án là 40.152.048.612 đồng (gốc còn lại + lãi đến thời điểm khởi tố vụ án đồng).

Toàn bộ số tiền S trực tiếp chiếm đoạt của ngân hàng đều được S sử dụng vào mục đích cá nhân và đến nay không có khả năng hoàn trả, cụ thể:

- Chuyển cho Vũ Văn K2 là Giám đốc Công ty Quang Chiến 5.064.000.000 đồng (trong đó, chuyển vào tài khoản của K2 là 4.444.000.000 đồng, chuyển cho Nguyễn Văn Thọ để Thọ chuyển cho K2 là 620.000.000 đồng);

- Chuyển vào tài khoản Công ty thủy sản An Gi2 tham gia dự án xuất khẩu cá đông lạnh số tiền 20.350.000.000 đồng;

- Chuyển cho Trần Chí Thành ở thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa (nay là thị xã Sa Pa), tỉnh Lào Cai số tiền 950.000.000 đồng;

- Trả nợ cho một số hợp đồng tín dụng không do S lập để chiếm đoạt trước đó là 9.236.000.000 đồng;

- Số tiền còn lại 6.635.000.000 đồng S sử dụng vào mục đích cá nhân, hiện chưa có cơ sở xác định S sử dụng vào mục đích gì.

Trần Văn S khai nhận, sau khi Công ty TDMIR của Liên bang Nga thanh toán số tiền 10.773.048.000 đồng vào tài khoản của Công ty Quang Chiến thì Vũ Văn K2 đã để S sử dụng số tiền trên, trong đó S chuyển trả nợ cho Lê Trọng Thành số tiền 1.200.000.000 đồng (hiện số tiền này Thành đã giao nộp cho cơ quan điều tra để khắc phục).

1.4.2. Số tiền Trần Văn S giúp Đặng Tiến C chiếm đoạt 6.400.000.000 đồng, bản thân S không được hưởng lợi ích gì. Hành vi của S giúp C chiếm đoạt 6.400.000.000 đồng của ngân hàng, tiền lãi tính đến thời điểm khởi tố vụ án là 704.697.916 đồng (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn). Như vậy tổng số tiền S liên đới với C gây thiệt hại cho ngân hàng là 7.104.697.916 đồng.

2. Bị cáo Lò Văn X:

Lò Văn X làm Phó Giám đốc Agribank Sìn Hồ từ ngày 01/8/2013 đến trước ngày 01/4/2016 và làm Giám đốc Agribank Sìn Hồ từ ngày 01/4/2016 đến khi bị khởi tố vụ án.

Khi Lò Văn X làm Phó Giám đốc Agribank Sìn Hồ là người phê duyệt khoản vay, căn cứ vào hồ sơ vay vốn, báo cáo thẩm định ... để quyết định cho vay hay không cho vay theo thẩm quyền hoặc yêu cầu báo cáo rõ thêm về khoản vay. X biết Trần Văn S thuộc đối tượng không được vay theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (viết tắt là Quyết định 1627). Quyết định 1627 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2005 tại các Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 (viết tắt là Quyết định 127) và Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005 (viết tắt là Quyết định 783), biết khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, không có tài liệu chứng

minh phương án sử dụng vốn vay... Tuy nhiên, theo sự chỉ đạo của S và để giúp S rút được tiền từ ngân hàng, X đã thực hiện không đúng chức trách, nhiệm vụ, không kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ, cố ý làm trái quy trình, ký phê duyệt các khoản vay của S.

Khi Lò Văn X làm Giám đốc Agribank Sìn Hồ, là người đứng đầu và có trách nhiệm trong tổ chức, chỉ đạo việc thực hiện các quy định, quy trình hoạt động của Agribank, bảo đảm việc kinh doanh đúng quy định; đồng thời là người chịu trách nhiệm trong toàn bộ hoạt động của ngân hàng, người quyết định, phê duyệt các khoản vay và phê duyệt giải ngân. X đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của bản thân để thực hiện không đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, phê duyệt, quyết định cho vay khi khách hàng không đáp ứng đủ điều kiện vay vốn, không có tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn vay, nguồn thu nhập để trả nợ... Biết hồ sơ vay vốn không đảm bảo quy định vẫn ký quyết định phê duyệt khoản vay, phê duyệt giải ngân, chỉ đạo cấp dưới thực hiện không đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, lập không các hồ sơ, lập hồ sơ vay vốn không đúng quy định, phê duyệt lại thời hạn trả nợ không đúng quy định... giúp S và Đặng Tiến C chiếm đoạt tài sản của ngân hàng, cụ thể:

2.1. Thời gian từ năm 2015 đến ngày 01/4/2016 khi Lò Văn X làm Phó Giám đốc Ngân hàng Agribank chi nhánh Sìn Hồ.

Dưới sự chỉ đạo của Trần Văn S, Lò Văn X đã ký phê duyệt 05 khoản vay do S đứng ra vay để S chiếm đoạt số tiền 2.650.000.000 đồng. Bản thân X là người có chức vụ, quyền hạn, biết rõ và pháp luật buộc phải biết việc S chỉ đạo cấp dưới lập hồ sơ vay vốn để S đứng tên vay tiền là trái quy định của pháp luật, chưa được sự đồng ý của Hội đồng thành viên Agribank Việt Nam nhưng X vẫn ký phê duyệt các khoản vay của S để giúp S chiếm đoạt tiền của ngân hàng, cụ thể:

- HĐTD số 7803-LAV-201501335 ngày 13/11/2015 với số tiền vay 310.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Khoản Thị Nh tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát viên Trần Văn S.

Mục đích vay là sửa chữa nhà ở.

Thực tế giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 89 ngày 13/11/2015 số tiền 310.000.000 đồng. Sau đó, S dùng để tất toán hồ sơ vay có mã giải ngân 7803LDS201401401.

- HĐTD số 7803-LAV-201600101 ngày 15/01/2016 với số tiền vay 540.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Khoản Thị Nh tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Mục đích vay là mua đất ở.

Thực tế giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 39 ngày 15/01/2016 số tiền 540.000.000 đồng. Sau đó, S dùng để tất toán hồ sơ vay có mã giải ngân 7803LDS201500014 mà S vay trước đó tại ngân hàng.

- HĐTD số 7803-LAV-201600146 ngày 26/01/2016 với số tiền vay 1.000.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) không xác định được chữ ký, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Mục đích vay là mua đất ở, nhà ở.

Thực tế giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 106 ngày 26/01/2016 số tiền 1.000.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của Trần Văn S. Sau đó, S ủy nhiệm chi số bút toán 35 ngày 02/02/2016 chuyển vào tài khoản cá nhân Vũ Văn K2 1.000.000.000 đồng.

- HĐTD số 7803-LAV-201600276 ngày 11/3/2016 với số tiền vay 600.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Mục đích vay là nâng cấp nhà ở.

Thực tế giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 46 ngày 11/3/2016 chuyển số tiền 600.000.000 đồng vào tài khoản Trần Văn S. Sau đó, S ủy nhiệm chi bút toán số 03 ngày 11/3/2016 chuyển 600.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân Vũ Văn K2.

- HĐTD số 7803-LAV-201600111 ngày 18/01/2016 với số tiền vay 200.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Nguyễn Văn Nh1 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, không có người phê duyệt khoản vay.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Lò Văn X.

Mục đích vay là sửa chữa nhà ở.

Thực tế giải ngân giấy lĩnh tiền vay bút toán số 18 ngày 18/01/2016 số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó, S nộp tiền bút toán số 97 ngày 18/01/2016 số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của Vũ Văn K2.

Hành vi của X đã vi phạm các quy định tại Điều 94 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 14, Điều 15, Điều 25 của Quyết định 1267; Điều 4 của Quyết định 836/QĐ-NHNo-HSX ngày 07/8/2014 của Tổng Giám đốc về việc ban hành Quy trình cho vay đối với khách hàng là hộ gia đình, cá nhân trong hệ thống Agribank (viết tắt là Quyết định 836).

2.2. Thời gian từ ngày 01/4/2016 khi Lò Văn X làm Giám đốc Ngân hàng Agribank chi nhánh Sìn Hồ:

Từ ngày 01/4/2016, Trần Văn S chuyển về công tác tại Agribank Lai Châu với chức vụ Trưởng phòng kinh doanh, còn Lò Văn X được bổ nhiệm làm Giám đốc Agribank Sìn Hồ.

Trần Văn S với tư cách là Trưởng phòng kinh doanh và từng là lãnh đạo của Lò Văn X nên S nhờ X ký phê duyệt cho vay và giải ngân 08 bộ hồ sơ vay vốn với số tiền là 11.765.000.000 đồng (trong đó có 02 hợp đồng không ký hợp đồng vay nhưng vẫn ký kiểm soát phê duyệt giải ngân, ký tên trên các giấy lĩnh tiền mặt). Mặc dù biết hồ sơ vay vốn còn thiếu nhiều thủ tục không có tài sản thế chấp theo quy định, không đủ điều kiện vay nhưng biết đây là hồ sơ vay vốn của S vay tiền, nể nang S từng là lãnh đạo nên X vẫn ký phê duyệt cho vay và giải ngân, cụ thể:

- Tên khách hàng Công ty TNHH MTV XD&TM Trung Hiếu: HĐTĐ số 7803-LAV201600459 ngày 08/4/2016 với số tiền vay 1.700.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1. Giao dịch chuyển tiền, rút tiền từ tài khoản giải ngân: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 69 ngày 08/4/2016 số tiền 1.700.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH MTV XD&TM Trung Hiếu. Cùng ngày, S ký không tên khách hàng vào ủy nhiệm chi số bút toán 73, số tiền 1.700.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của Công ty Quang Chiến. Sau đó dùng tài khoản của Công ty Quang Chiến để chuyển khoản cho Công ty thủy sản An Gi2.

- Tên khách hàng HTX NLN&DV Chát Phát:

+ HĐTĐ số 7803-LAV-201600768 ngày 23/6/2016 với số tiền vay 875.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, không có người phê duyệt khoản vay.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, không có người kiểm soát giải ngân, ký giải ngân chứng từ Lò Văn X (ký duyệt giấy lĩnh tiền).

Giải ngân lĩnh tiền vay bút toán số 54 ngày 23/6/2016 số tiền 875.000.000 đồng, mục đích xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng. Sau đó, S dùng trả nợ cho các HĐTĐ mà S lập không để chiếm đoạt tiền trước đó, cụ thể:

Số tiền 216.187.500 đồng để trả nợ cho HĐTĐ 7803-LAV-201500568 của HTX NLN&DV Chất Phát (chứng từ giao dịch số bút toán 22 ngày 23/6/2016);

Số tiền 660.206.250 đồng để trả nợ cho HĐTĐ 7802-LAV-201300123 của Công ty TNHH MTV XD&TM Trung Hiếu (chứng từ giao dịch số bút toán 23 ngày 23/6/2016).

+ HĐTĐ số 7803-LAV-201600958 ngày 22/7/2016 với số tiền vay 500.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, không có người phê duyệt khoản vay.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1, ký giải ngân chứng từ Lò Văn X (ký duyệt giấy lĩnh tiền).

Mục đích sử dụng tiền vay là trả tiền mua vật liệu xây dựng.

Thực tế, S làm ủy nhiệm chi số bút toán 50 ngày 22/7/2016 chuyển số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản số 7803201000954 của HTX NLN&DV Chất Phát, sau đó chuyển tiếp số tiền này vào tài khoản 1400205444222 của Nguyễn Văn Thọ để Thọ rút ra đưa cho Vũ Văn K2. Số tiền vay còn lại, S lĩnh tiền vay (giấy lĩnh tiền vay số bút toán 48, ngày 22/7/2016) số 100.000.000 đồng.

- Tên khách hàng HTX Quốc Anh: HĐTĐ số 7803-LAV-201500460 ngày 08/4/2016 với số tiền vay 2.070.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt, quyết định khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 70 ngày 08/4/2016 số tiền 2.070.000.000 đồng vào tài khoản của HTX Quốc Anh. Cùng ngày, S chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Quang Chiến số bút toán 72 số tiền 2.070.000.000 đồng. Sau

đó, S sử dụng tài khoản của Công ty Quang Chiến chuyển tiền vào tài khoản cho Công ty thủy sản An Gi2.

- Tên khách hàng Trần Thị Hồng (chị gái cùng bố khác mẹ của S và đã chết từ khi còn nhỏ) lấy địa chỉ giả khu 3, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu:

+ HẾTĐ số 7803-LAV-201600599 ngày 12/5/2016 với số tiền vay 1.900.000.000 đồng (đã tất toán):

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 84 ngày 12/5/2016 số tiền 1.900.000.000 đồng chuyển vào tài khoản đứng tên Trần Thị Hồng (tài khoản lập khống). Sau đó, S tiếp tục chuyển số tiền này từ tài khoản Trần Thị Hồng vào tài khoản của Công ty Quang Chiến (ủy nhiệm chi bút toán số 85 ngày 12/5/2016). S dùng tài khoản của Công ty Quang Chiến để chuyển tiếp 1.900.000.000 đồng đến tài khoản của Công ty thủy sản An Gi2.

+ HẾTĐ số 7803-LAV-201600965 ngày 27/7/2016 với số tiền vay 220.000.000 đồng (đã tất toán):

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 09 ngày 27/7/2016 số tiền 220.000.000 đồng chuyển vào tài khoản đứng tên Trần Thị Hồng (tài khoản lập khống). Sau đó, S tiếp tục chuyển số tiền này từ tài khoản Trần Thị Hồng vào tài khoản 1400205444222 của Nguyễn Văn Thọ tại Hà Nội (ủy nhiệm chi bút toán số 15 ngày 27/7/2016) để Thọ rút tiền mặt đưa cho Vũ Văn K2.

- Tên khách hàng Trần Thị Bắc (chị gái S) lấy địa chỉ giả ở khu 2, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu: HẾTĐ số 7803-LAV-201600578 ngày 06/5/2016 với số tiền vay 2.800.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 63 ngày 06/5/2016 số tiền 2.800.000.000 đồng chuyển vào tài khoản đứng tên Trần Thị Bắc. Sau đó, S tiếp tục chuyển số

tiền này từ tài khoản Trần Thị Bắc vào tài khoản của Công ty Quang Chiến (ủy nhiệm chi bút toán số 113 ngày 06/5/2016). S dùng tài khoản của Công ty Quang Chiến chuyển tiếp 2.800.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty thủy sản An Gi2.

- Tên khách hàng Trần Thị Hà (chị gái S) lấy địa chỉ giả ở khu 6, thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu: HĐTD số 7803-LAV-201600518 ngày 20/4/2016 với số tiền vay 1.700.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Liễu Đức M2 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân lĩnh tiền vay số bút toán 59 ngày 20/4/2016 số tiền 1.700.000.000 đồng, chiếm đoạt được số tiền này, S nộp tiền vào tài khoản của Công ty Quang Chiến (giấy nộp tiền bút toán số 84 ngày 20/4/2016). S dùng tài khoản của Công ty Quang Chiến chuyển tiếp 1.700.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty thủy sản An Gi2.

2.3. Thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, Lò Văn X lần lượt giữ các chức vụ Phó Giám đốc và Giám đốc Agribank Sìn Hồ, X đã thông đồng với Đặng Tiến C - Giám đốc Công ty TNHH MTV Đức C, chỉ đạo cấp dưới lập không 09 hồ sơ với số tiền 18.100.000.000 đồng và phê duyệt giải ngân 01 hợp đồng không với số tiền 2.500.000.000 đồng nhằm giúp C chiếm đoạt 20.600.000.000 đồng của ngân hàng, cụ thể:

Công ty của C và cá nhân C là khách hàng của Agribank Sìn Hồ, do thiếu vốn làm công trình nên C đến gặp X và đặt vấn đề vay vốn của Agribank Sìn Hồ. Tuy nhiên Công ty của C và cá nhân C đã hết hạn mức vay vốn nên C đề xuất với X về việc lấy tên người quen để lập không hồ sơ vay vốn, X đồng ý và bảo C xuống phòng kinh doanh làm việc trực tiếp. Được sự đồng ý và chỉ đạo của X nên Phạm Ngọc D (là Phó phòng kinh doanh) và Nguyễn Hồng V1 (là cán bộ tín dụng) đã thiết lập và trình X ký 09 hồ sơ lập không (không có khách hàng thật với số tiền 18.100.000.000 đồng, trong đó có 02 hồ sơ người kiểm soát khoản vay chưa ký) và 01 hồ sơ chưa ký kiểm soát và hợp đồng nhưng vẫn phê duyệt giải ngân với số tiền 2.500.000.000 đồng. Toàn bộ các hợp đồng trên đều do D, V1 lập dựa trên các thông tin mà C cung cấp, sau khi hoàn thiện hồ sơ, D đưa lại cho C ký giả chữ ký của những người vay rồi chuyển lại cho X ký giải ngân, cụ thể:

- Tên khách hàng Lò Thị Hảo (là nhân viên của C) địa chỉ ở xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu: HĐTD số 7803-LAV-201700368 ngày 30/3/2017 với số tiền vay 1.000.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, không có người kiểm soát khoản vay, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên không ký (kiểm soát viên trên máy tính Phan Quang Ngh1).

Giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 94 ngày 30/3/2017 vào tài khoản tiền vay của Lò Thị Hảo số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau đó, ủy nhiệm chi số bút toán 95 ngày 30/3/2017 số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của DNXD&TMTN số 36, địa chỉ huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên để chi trả tiền mua xăng dầu.

- Tên khách hàng Vũ Đức Thiệu (là người làm thuê cho Công ty của C) có địa chỉ ở xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu:

+ HĐTD số 7803-LAV-201500731 ngày 17/7/2015 với số tiền vay 1.100.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Nguyễn Hồng V1 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát viên Trinh Đức L2.

Giải ngân giấy lĩnh tiền vay số bút toán 41 ngày 17/7/2015 số tiền 1.100.000.000 đồng. Sau đó, C đã sử dụng để trả nợ cho khoản vay trước đó của DNTN Đức C số bút toán 12 ngày 23/7/2015 với số tiền 1.227.347.917 đồng.

+ HĐTD số 7803-LAV-201600516 ngày 20/4/2016 với số tiền vay 1.000.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân giấy lĩnh tiền vay số bút toán 57 ngày 20/4/2016 số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau đó, C đã sử dụng để trả nợ cho khoản vay trước đó của DNTN Đức C số bút toán 55 ngày 20/4/2016 với số tiền 1.068.902.778 đồng.

- Tên khách hàng Trịnh Tiến Hùng (là người làm thuê cho Công ty của C) có địa chỉ ở xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu: HĐTD số 7803-LAV-201700528 ngày 09/5/2017 với số tiền vay 2.500.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, không có người kiểm soát khoản vay, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên trên máy tính Phan Quang Ngh1.

Tiền vay được C sử dụng: giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 216 ngày 09/5/2017 số tiền 2.000.000.000 đồng và ủy nhiệm chi số bút toán 128 ngày 18/5/2017 số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản 7803205036283 mang tên Hoàng Văn Quyết (Công ty TNHH MTV XD&TM Minh Quang, địa chỉ: thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu) với mục đích thanh toán tiền mua cây xăng tại huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- Tên khách hàng Lù Văn Uynh (là hàng xóm của C) địa chỉ ở xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. C mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Uynh, lấy tên và ký giả chữ ký của anh Uynh trên hồ sơ vay vốn: HẾTD số 7803-LAV-201600888 ngày 12/7/2016 với số tiền vay 2.000.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân giấy lĩnh tiền vay số bút toán 48 ngày 13/7/2016 số tiền 2.000.000.000 đồng. Sau đó, C rút ra và nộp tiền mặt số bút toán 47 ngày 13/7/2016 số tiền 3.000.000.000 đồng vào tài khoản Đặng Tiến C (trong đó, 2.000.000.000 đồng từ tiền vay mang tên Lù Văn Uynh và 1.000.000.000 đồng từ tiền vay mang tên Lù Văn Phóng). Sau đó, ủy nhiệm chi số bút toán 31 ngày 19/7/2016 số tiền 2.540.000.000 đồng cho Nguyễn Thị Hà số tài khoản 101010006928273 Vietbank Điện Biên để thanh toán tiền mua cây xăng ở huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Số tiền còn lại, C sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

- Tên khách hàng vay Vàng Văn Soạn (là hàng xóm của C) địa chỉ xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu: HẾTD số 7803-LAV-201600586 ngày 11/5/2016 với số tiền vay 3.000.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc Duy tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân vào tài khoản Vàng Văn Soạn, sau đó ủy nhiệm chi số bút toán 48 ngày 11/5/2016 vào tài khoản của DNTN Đức C và cùng với số tiền vay mang tên khách hàng Lò Văn Thiệu của HẾTD số 7803-LAV-201600687 số tiền 3.000.000.000 đồng, tiếp tục ủy nhiệm chi số bút toán 49, ngày 11/5/2016 vào tài khoản của DNTN Đức C để trả nợ tất toán cho 03 HẾTD của DNTN Đức C: chứng từ giao dịch số bút toán 50 ngày 11/5/2016 số tiền 3.528.833.333 đồng; chứng từ giao dịch số bút toán 51 ngày 11/5/2016 số tiền 1.012.833.333 đồng; chứng từ giao dịch số bút toán 112 ngày 11/5/2016 số tiền 1.311.646.112 đồng và C rút séc tiền mặt AR1060168 ngày 10/5/2016 số tiền 100.000.000 đồng để thi công công trình;

ủy nhiệm chi số bút toán 172 ngày 11/5/2016 số tiền 50.000.000 đồng cho Công ty TNHH MTV xăng dầu Lai Châu để thanh toán tiền xăng dầu.

- Tên khách hàng Lù Văn Phóng (là hàng xóm của C) địa chỉ xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu: HĐTD số 7803-LAV-201600889 ngày 12/7/2016 với số tiền vay 3.000.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân lĩnh tiền vay số bút toán 49 ngày 13/7/2016 số tiền 3.000.000.000 đồng. Sau đó, nộp tiền mặt số bút toán 46 ngày 13/7/2016 số tiền 2.000.000.000 đồng vào tài khoản DNTN Đức C, C tiếp tục ủy nhiệm chi số bút toán 50 ngày 13/7/2016 số tiền 1.600.000.000 đồng cho Công ty TNHH Thành Long Điện Biên để mua cửa hàng xăng dầu tại xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu; ủy nhiệm chi số bút toán 19 ngày 15/7/2016 số tiền 200.000.000 đồng cho Trần Văn S vay (C khai, hiện S đã trả lại); còn 200.000.000 đồng trong tài khoản DNTN Đức C, C chi tiêu cá nhân. Số tiền 1.000.000.000 còn lại theo khoản vay này và số tiền 2.000.000.000 đồng từ khoản vay mang tên Lù Văn Uyển, có tổng cộng là 3.000.000.000 đồng, C nộp vào tài khoản cá nhân mình. Sau đó, ủy nhiệm chi số bút toán 31 ngày 19/7/2016 chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị Hà số tài khoản 101010006928273 Vietbank Điện Biên để thanh toán tiền mua cây xăng tại huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu số tiền còn lại. C khai nhận, mua đất cạnh cây xăng tại huyện Nậm Nhùn.

- Tên khách hàng Lò Văn Thiệu (là công nhân của Công ty C) địa chỉ xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu: HĐTD số 7803-LAV-201600587 ngày 11/5/2016 với số tiền vay 3.000.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Tiền vay được C sử dụng: giải ngân vào tài khoản của Lò Văn Thiệu, sau đó ủy nhiệm chi số bút toán 49 ngày 11/5/2016 số tiền 3.000.000.000 đồng vào tài khoản DTNT Đức C, cùng với tiền vay của HĐTD mang tên Vàng Văn Soạn số tiền 3.000.000.000 đồng nộp vào tài khoản của DNTN Đức C để trả nợ tất toán cho 03 HĐTD của DNTN Đức C: chứng từ giao dịch số bút toán 50 ngày 11/5/2016 số tiền 3.528.833.333 đồng; chứng từ giao dịch số bút toán 51 ngày 11/5/2016 số tiền 1.012.833.333 đồng; chứng từ giao dịch số bút toán 112 ngày 11/5/2016 số tiền 1.311.646.112 đồng và C rút séc tiền mặt AR1060168, ngày

10/5/2016 số tiền 100.000.000 đồng để thi công công trình; ủy nhiệm chi số bút toán 172 ngày 11/5/2016 số tiền 50.000.000 đồng cho Công ty TNHH MTV xăng dầu Lai Châu để thanh toán tiền xăng dầu.

- Tên khách hàng Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng và Thương mại Nam C (viết tắt là Công ty TNHH MTV XD&TM Nam C) do Vũ Đức Thiệu làm Giám đốc, địa chỉ xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu:

+ HĐTD số 7803-LAV-201600550 ngày 28/4/2016 với số tiền vay 1.500.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt giải ngân Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Tiền vay được C sử dụng: giải ngân lĩnh tiền vay số bút toán 60 ngày 28/4/2016 số tiền 1.500.000.000 đồng. Sau đó, C dùng để trả nợ tất toán khoản vay của DNTN Đức C chứng từ giao dịch số bút toán 59 ngày 28/4/2016 số tiền 1.700.291.667 đồng.

+ HĐTD số 7803-LAV-201600804 ngày 28/6/2016 với số tiền vay 2.500.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay không ký, người phê duyệt khoản vay không ký.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên trên máy tính Phan Quang Ngh1.

Tiền vay được C sử dụng: giải ngân lĩnh tiền vay số bút toán 33 ngày 29/6/2016 số tiền 2.500.000.000 đồng. C rút tiền mặt chiếm đoạt để sử dụng (hợp đồng không có chữ ký người kiểm soát, phê duyệt khoản vay nhưng vẫn ký giải ngân).

2.4. Như vậy, tổng số tiền X giúp S, C chiếm đoạt của ngân hàng cụ thể như sau:

- Số tiền X giúp S chiếm đoạt của ngân hàng là 14.415.000.000 đồng. Trong đó, số tiền S đã tất toán liên quan đến hợp đồng do X phê duyệt là 2.120.000.000 đồng, số tiền chưa tất toán là 12.295.000.000 đồng, tiền lãi tính đến thời điểm khởi tố vụ án là 1.832.893.000 đồng (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn). Do đó, số tiền ngân hàng bị thiệt hại chưa thể thu hồi tính đến thời điểm khởi tố vụ án do hành vi giúp sức của X và một số cán bộ ngân hàng cho S là 14.127.893.000 đồng

- Số tiền X giúp C chiếm đoạt của ngân hàng là 20.600.000.000 đồng. Trong đó, số tiền C đã tất toán liên quan đến hợp đồng do X phê duyệt là 3.294.000.000 đồng, số tiền chưa tất toán là 17.306.000.000 đồng, tiền lãi tính đến thời điểm

khởi tố vụ án là 1.703.793.127 đồng (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn). Do đó, số tiền ngân hàng bị thiệt hại chưa thể thu hồi tính đến thời điểm khởi tố vụ án do hành vi giúp sức của X và một số cán bộ ngân hàng cho C là 19.009.793.127 đồng.

Tổng số tiền thiệt hại của Agribank Việt Nam do X giúp cho S, C chiếm đoạt tiền của ngân hàng là 35.015.000.000 đồng.

Quá trình X thực hiện hành vi phạm tội, X không được hưởng lợi ích gì từ S và C.

3. Bị cáo Đặng Tiến C:

Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, do nhu cầu vốn làm ăn nhưng bản thân và Công ty của mình đã hết hạn mức vay vốn theo quy định của Agribank Sìn Hồ nên Đặng Tiến C là Giám đốc DNTN Đức C (sau này là Công ty TNHH MTV Đức C) đã gặp Trần Văn S là Giám đốc và Lò Văn X Phó Giám đốc (sau này là Giám đốc) Agribank Sìn Hồ đặt vấn đề vay vốn bằng cách lấy tên người quen để lập khống hồ sơ vay vốn. Sau khi S, X đồng ý và chỉ đạo Phạm Ngọc D, Nguyễn Hồng V1 lập hồ sơ vay vốn cho C, C cung cấp các thông tin về khách hàng, số tiền vay, tài sản đảm bảo và một số giấy tờ chứng minh tài sản bảo đảm cho một số hồ sơ vay vốn để D, V1 lập hồ sơ. Sau đó, C ký giả các chữ ký của các cá nhân, ký giả chữ ký của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân trên hợp đồng vay vốn và các chứng từ giải ngân. Dưới sự giúp sức, thông đồng của các cán bộ ngân hàng, C đã lấy tên của 01 pháp nhân là Công ty TNHH MTV XD&TM Nam C và 08 cá nhân để lập khống 13 bộ hồ sơ vay vốn để rút số tiền 27.000.000.000 đồng của ngân hàng, cụ thể:

- Mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các ông Lù Văn Uynh, Vàng Văn Soan, Lù Văn Phóng đều trú tại bản Chợ, xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu, sau đó lấy tên của họ để cung cấp cho các cán bộ ngân hàng là D, V1 ;ập khống 03 bộ hồ sơ vay vốn với số tiền 8.000.000.000 đồng để chiếm đoạt tài sản của ngân hàng, cụ thể:

- + Tên khách hàng Lù Văn Uynh (là hàng xóm của C), địa chỉ xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. C mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Uynh, lấy tên và ký giả chữ ký của anh Uynh trên hồ sơ vay vốn: HĐTD số 7803-LAV-201600888 ngày 12/7/2016 với số tiền vay 2.000.000.000 đồng.

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân giấy lĩnh tiền vay số bút toán 48 ngày 13/7/2016 số tiền 2.000.000.000 đồng. Sau đó, C rút ra và nộp tiền mặt số bút toán 47 ngày 13/7/2016 số tiền 3.000.000.000 đồng vào tài khoản Đặng Tiến C (trong đó,

2.000.000.000 đồng từ tiền vay mang tên Lù Văn Uynh và 1.000.000.000 đồng từ tiền vay mang tên Lù Văn Phóng). Sau đó, ủy nhiệm chi số bút toán 31 ngày 19/7/2016 số tiền 2.540.000.000 đồng cho Nguyễn Thị Hà số tài khoản 101010006928273 Vietbank Điện Biên để thanh toán tiền mua cây xăng ở huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Số tiền còn lại, C sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

+ Tên khách hàng vay Vàng Văn Soạn (là hàng xóm của C) địa chỉ xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu: HĐTD số 7803-LAV-201600586 ngày 11/5/2016 với số tiền vay 3.000.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân vào tài khoản Vàng Văn Soạn, sau đó ủy nhiệm chi số bút toán 48 ngày 11/5/2016 vào tài khoản của DNTN Đức C và cùng với số tiền vay mang tên khách hàng Lò Văn Thiệu của HĐTD số 7803-LAV-201600687 số tiền 3.000.000.000 đồng, tiếp tục ủy nhiệm chi số bút toán 49 ngày 11/5/2016 vào tài khoản của DNTN Đức C để trả nợ tất toán cho 03 HĐTD của DNTN Đức C: chứng từ giao dịch số bút toán 50 ngày 11/5/2016 số tiền 3.528.833.333 đồng; chứng từ giao dịch số bút toán 51 ngày 11/5/2016 số tiền 1.012.833.333 đồng; chứng từ giao dịch số bút toán 112 ngày 11/5/2016 số tiền 1.311.646.112 đồng và C rút séc tiền mặt AR1060168 ngày 10/5/2016 số tiền 100.000.000 đồng để thi công công trình; ủy nhiệm chi số bút toán 172 ngày 11/5/2016 số tiền 50.000.000 đồng cho Công ty TNHH MTV xăng dầu Lai Châu để thanh toán tiền xăng dầu.

+ Tên khách hàng Lù Văn Phóng (là hàng xóm của C) địa chỉ xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu: HĐTD số 7803-LAV-201600889 ngày 12/7/2016 với số tiền vay 3.000.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân lĩnh tiền vay số bút toán 49 ngày 13/7/2016 số tiền 3.000.000.000 đồng. Sau đó, nộp tiền mặt số bút toán 46 ngày 13/7/2016 số tiền 2.000.000.000 đồng vào tài khoản DNTN Đức C, C tiếp tục ủy nhiệm chi số bút toán 50 ngày 13/7/2016 số tiền 1.600.000.000 đồng cho Công ty TNHH Thành Long Điện Biên để mua cửa hàng xăng dầu tại xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu; ủy nhiệm chi số bút toán 19 ngày 15/7/2016 số tiền 200.000.000 đồng cho Trần Văn S vay (C khai, hiện S đã trả lại); còn 200.000.000 đồng trong tài khoản DNTN Đức C, C chi tiêu cá nhân. Số tiền 1.000.000.000 còn lại theo khoản vay này và

số tiền 2.000.0000.000 đồng từ khoản vay mang tên Lò Văn Uyển, có tổng cộng là 3.000.000.000 đồng, C nộp vào tài khoản cá nhân mình. Sau đó, ủy nhiệm chi số bút toán 31 ngày 19/7/2016 chuyển tiền cho bà Nguyễn Thị Hà số tài khoản 101010006928273 Vietbank Điện Biên để thanh toán tiền mua cây xăng tại huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu số tiền còn lại. C khai nhận mua đất cạnh cây xăng tại huyện Nậm Nhùn.

- Lấy tên của các ông, bà Lò Văn Thiệu, Vũ Đức Thiệu, Trịnh Tiến Hùng, Lò Thị Hảo, Vũ Văn Mạnh đều là những người lao động làm thuê cho C trong Công ty TNHH MTV Đức C để lập 07 hồ sơ vay vốn không để chiếm đoạt số tiền 12.500.000.000 đồng của ngân hàng (trong đó, 06/07 hồ sơ C lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình để đưa vào làm tài sản thế chấp, còn 01 hồ sơ không có tài sản thế chấp). Toàn bộ số hồ sơ trên C đều tự ký giả tên khách hàng trên hồ sơ vay vốn, cụ thể:

+ Tên khách hàng Lò Văn Thiệu (là công nhân của Công ty C) địa chỉ ở xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu: HĐTD số 7803-LAV-201600587 ngày 11/5/2016 với số tiền vay 3.000.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Nghi1.

Tiền vay được C sử dụng: giải ngân vào tài khoản của Lò Văn Thiệu, sau đó ủy nhiệm chi số bút toán 49 ngày 11/5/2016 số tiền 3.000.000.000 đồng vào tài khoản DTNT Đức C, cùng với tiền vay của HĐTD mang tên Vàng Văn Soạn số tiền 3.000.000.000 đồng nộp vào tài khoản của DNTN Đức C để trả nợ tất toán cho 03 HĐTD của DNTN Đức C: chứng từ giao dịch số bút toán 50 ngày 11/5/2016 số tiền 3.528.833.333 đồng; chứng từ giao dịch số bút toán 51 ngày 11/5/2016 số tiền 1.012.833.333 đồng; chứng từ giao dịch số bút toán 112 ngày 11/5/2016 số tiền 1.311.646.112 đồng và C rút séc tiền mặt AR1060168 ngày 10/5/2016 số tiền 100.000.000 đồng để thi công công trình; ủy nhiệm chi số bút toán 172 ngày 11/5/2016 số tiền 50.000.000 đồng cho Công ty TNHH MTV xăng dầu Lai Châu để thanh toán tiền xăng dầu.

+ Tên khách hàng Vũ Đức Thiệu (là người làm thuê cho C) địa chỉ tại xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu, bao gồm các HĐTD sau:

HĐTD số 7803-LAV-201501109 ngày 05/10/2015 với số tiền vay 900.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Nguyễn Hồng V1 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Phạm Ngọc D, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát viên không ký.

Giải ngân ủy nhiệm chi bút toán số 30 ngày 05/10/2015 số tiền 900.000.000 đồng vào tài khoản của DNTN Đức C. Sau đó, Đặng Tiến C rút séc tiền mặt AQ3101183 ngày 06/10/2015 số tiền 900.000.000 đồng để chiếm đoạt.

HĐTD số 7803-LAV-201500731 ngày 17/7/2015 với số tiền vay 1.100.000.000 đồng.

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Nguyễn Hồng V1 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát viên Trinh Đức L2.

Giải ngân giấy lĩnh tiền vay số bút toán 41 ngày 17/7/2015 số tiền 1.100.000.000 đồng. Sau đó, C đã sử dụng để trả nợ cho khoản vay trước đó của DNTN Đức C số bút toán 12 ngày 23/7/2015 với số tiền 1.227.347.917 đồng;

HĐTD số 7803-LAV-201600516 ngày 20/4/2016 với số tiền vay 1.000.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân giấy lĩnh tiền vay số bút toán 57 ngày 20/4/2016 số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau đó, C đã sử dụng để trả nợ cho khoản vay trước đó của DNTN Đức C số bút toán 55 ngày 20/4/2016 với số tiền 1.068.902.778 đồng.

+ Tên khách hàng Trịnh Tiến Hùng (là người làm thuê cho Công ty của C) địa chỉ ở xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu: HĐTD số 7803-LAV-201700528 ngày 09/5/2017 với số tiền vay 2.500.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, không có người kiểm soát khoản vay, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên trên máy tính Phan Quang Ngh1.

Tiền vay được C sử dụng: giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 216 ngày 09/5/2017 số tiền 2.000.000.000 đồng và ủy nhiệm chi số bút toán 128 ngày 18/5/2017 số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản 7803205036283 mang tên Hoàng Văn Quyết (Công ty TNHH MTV XD&TM Minh Quang, địa chỉ: thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu) với mục đích thanh toán tiền mua cây xăng tại huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

+ Tên khách hàng Lò Thị Hảo (là nhân viên của C) địa chỉ xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu: HĐTD số 7803-LAV-201700368 ngày 30/3/2017 với số tiền vay 1.000.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, không có người kiểm soát khoản vay, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên không ký (kiểm soát viên trên máy tính Phan Quang Ngh1).

Giải ngân ủy nhiệm chi số bút toán 94 ngày 30/3/2017 vào tài khoản tiền vay của Lò Thị Hảo số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau đó, ủy nhiệm chi số bút toán 95 ngày 30/3/2017 số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của DNXD&TMTN số 36, địa chỉ huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên để chi trả tiền mua xăng dầu.

+ Tên khách hàng Vũ Văn Mạnh (là nhân viên Công ty của C) địa chỉ tại xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu: HĐTD số 7803-LAV-201500655 ngày 30/6/2015 với số tiền vay 3.000.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Nguyễn Hồng V1 tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Trần Văn S, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát viên Trịnh Đức L2.

Giải ngân ủy nhiệm chi bút toán số 30 ngày 30/6/2015 số tiền 2.500.000.000 đồng; giải ngân ủy nhiệm chi bút toán số 22 ngày 02/7/2015 số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản Vũ Văn Mạnh. Sau đó, ủy nhiệm chi bút toán số 36 ngày 30/6/2015 số tiền 1.590.000.000 đồng cho Nguyễn Ngọc Tuấn (Tuấn là cháu Đặng Tiến C, Tuấn hiện đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, Tuấn đứng ra vay vốn tại Agribank Sìn Hồ theo HĐTD số 7803-LAV-201301015, sau đó cho C mượn tiền vay để sử dụng). Giấy lĩnh tiền bút toán số 191 ngày 30/6/2015 số tiền 909.900.000 đồng; giấy lĩnh tiền bút toán số 85 số tiền 300.000.000 đồng, C lĩnh tiền mặt sử dụng vào mục đích thi công công trình. Ủy nhiệm chi bút toán số 86 ngày 02/7/2015 số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân C, C sử dụng cá nhân (C khai cho S mượn và đã được hoàn trả).

- Lấy tên Công ty TNHH MTV XD&TM Nam C, địa chỉ tại xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu do ông Vũ Đức Thiệu làm Giám đốc để lập khống hồ sơ, C ký giả tên ông Thiệu, mượn con dấu để đóng dấu Công ty TNHH MTV XD&TM Nam C trên 03 hồ sơ vay vốn với số tiền 6.500.000.000 đồng để chiếm đoạt tiền của ngân hàng. Toàn bộ các hồ sơ này đều không có tài sản bảo đảm, bao gồm các HĐTD sau:

+ HĐTD số 7803-LAV-201501280 ngày 10/11/2015 với số tiền vay 2.500.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Trần Văn S.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Lò Anh T4, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Giải ngân ủy nhiệm chi bút toán số 46 ngày 10/11/2015 số tiền 2.500.000.000 đồng vào tài khoản Công ty TNHH MTV XD&TM Nam C Lai Châu, sau đó ủy nhiệm chi bút toán số 49 ngày 10/11/2015 số tiền 2.196.868.056 đồng vào tài khoản DNTN Đức C (trả nợ cho khoản vay trước đó của DNTN Đức C). C rút séc tiền mặt AQ31001189 số tiền 300.000.000 đồng để chiếm đoạt.

+ HẾTĐ số 7803-LAV-201600550 ngày 28/4/2016 với số tiền vay 1.500.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay Liễu Đức M2, người phê duyệt khoản vay Lò Văn X.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên Phan Quang Ngh1.

Tiền vay được C sử dụng: giải ngân lĩnh tiền vay số bút toán 60 ngày 28/4/2016 số tiền 1.500.000.000 đồng. Sau đó, C dùng để trả nợ tất toán khoản vay của DNTN Đức C chứng từ giao dịch số bút toán 59 ngày 28/4/2016 số tiền 1.700.291.667 đồng.

+ HẾTĐ số 7803-LAV-201600804 ngày 28/6/2016 với số tiền vay 2.500.000.000 đồng:

Những người thẩm định, xét duyệt cho vay và phê duyệt, quyết định cho vay: người thẩm định (quản lý khoản vay) Phạm Ngọc D tiến hành lập hồ sơ, người kiểm soát khoản vay không ký, người phê duyệt khoản vay không ký.

Những người giải ngân khoản vay: giao dịch viên Nguyễn Hồng V1, kiểm soát viên trên máy tính Phan Quang Ngh1.

Tiền vay được C sử dụng: giải ngân lĩnh tiền vay số bút toán 33 ngày 29/6/2016 số tiền 2.500.000.000 đồng. C rút tiền mặt chiếm đoạt để sử dụng (hợp đồng không có chữ ký người kiểm soát, phê duyệt khoản vay nhưng vẫn ký giải ngân).

Như vậy, tổng số tiền C trực tiếp chiếm đoạt của ngân hàng là 27.000.000.000 đồng. Trong đó, số tiền C đã tất toán là 3.294.000.000 đồng, số chưa tất toán là 23.706.000.000 đồng, tiền lãi tính đến thời điểm khởi tố vụ án là 2.408.491.043 đồng (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn). Do đó, số tiền ngân hàng bị thiệt hại chưa thể thu hồi tính đến thời điểm khởi tố vụ án là 26.114.491.043 đồng.

Toàn bộ số tiền 27.000.000.000 đồng sau khi chiếm đoạt được của ngân hàng, C đã sử dụng vào mục đích cá nhân như cho vay mượn, mua nhà đất, trả nợ, thi công công trình và hiện nay không có khả năng khắc phục, cụ thể:

- Mua cây xăng tại thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu với trị giá 6.640.000.000 đồng;

- Trả nợ cho Hợp đồng tín dụng trước đó của Doanh nghiệp tư nhân Đức C (sau này là Công ty TNHH MTV Đức C) và cho Nguyễn Ngọc Tuấn số tiền 13.240.180.834 đồng;

- Cho Trần Văn S vay số tiền 400.000.000 đồng (theo S và C khai nhận là S đã trả lại số tiền này cho C, đây là quan hệ dân sự);

- Số tiền còn lại là 6.719.819.166 đồng, C khai sử dụng vào việc thi công công trình nhưng chưa có tài liệu chứng minh.

4. Bị cáo Nguyễn Văn Nh1:

Nguyễn Văn Nh1 với tư cách là cán bộ tín dụng của Agribank Sìn Hồ, khi được giao nhiệm vụ là người quản lý khoản vay, thẩm định khoản vay, Nh1 có trách nhiệm soạn Th2 hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay, đề xuất giải ngân khoản vay, kiểm tra, giám sát khoản vay, theo dõi, đôn đốc thu hồi và xử lý khoản vay. Đây là khâu đầu tiên và quan trọng trong quy trình cấp tín dụng. Mặc dù biết việc chỉ đạo của Trần Văn S là trái pháp luật, không đúng quy định, quy trình của ngân hàng trong việc cấp tín dụng nhưng do S chỉ đạo nên Nh1 vẫn thực hiện sai quy trình, quy định như: thẩm định, đánh giá điều kiện vay vốn của khách hàng thiếu căn cứ, khách hàng không đủ điều kiện vay vốn vẫn đồng ý cho vay và đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt cho vay không đúng quy định, phê duyệt cho vay, chưa ký kết hợp đồng tín dụng vẫn lập hồ sơ giải ngân, không kiểm tra, giám sát sau cho vay, không yêu cầu khách hàng bổ sung đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng tiền vay...

Khi Nh1 làm cán bộ tín dụng tại Phòng Kinh doanh thì Nh1 được S chỉ đạo (bằng lời nói) sang làm thay vị trí Lò Anh T4 (là giao dịch viên của Phòng Kế toán ngân quỹ), mặc dù biết việc sử dụng user của Lò Anh T4 để làm thay nhiệm vụ là sai quy định, vượt ngoài thẩm quyền, trách nhiệm được giao. Khi thực hiện nhiệm vụ là giao dịch viên có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ từ người quản lý khoản vay, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của các bộ hồ sơ vay và hồ sơ bảo đảm; kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ và chính xác của chứng từ giao dịch, nội dung nghiệp vụ do mình thực hiện; kiểm tra xác thực khách hàng đảm bảo tính khớp đúng giữa chữ ký, dấu (nếu có) trên chứng từ giấy với mẫu đăng ký trên hệ thống IPCAS, hạch toán trên hệ thống IPCAS, thực hiện thông tin giải ngân trên hệ thống IPCAS... Mặc dù không có khách hàng đến giao dịch, biết việc thực hiện ký giải ngân là không đúng quy trình của ngân hàng nhưng do S chỉ đạo nên Nh1 vẫn ký chứng từ đề xuất kiểm soát viên phê duyệt giải ngân.

Hành vi của Nh1 đã giúp cho S chiếm đoạt tiền của ngân hàng, cụ thể:

4.1. Hành vi lập hồ sơ khống:

Năm 2015, S chỉ đạo Nh1 lập hồ sơ vay vốn mang tên Lương Thị Thủy (vợ S), các thông tin cá nhân của chị Thủy do S cung cấp để Nh1 lập hồ sơ vay vốn. Sau khi thiết lập hồ sơ, Nh1 ký vào phần người thẩm định rồi chuyển lại cho S để S ký giả chữ ký chị Thủy trên hồ sơ vay vốn và các chứng từ giải ngân. Trước, trong và sau khi lập hồ sơ, Nh1 không tiếp xúc với khách hàng, không tiến hành thẩm định cho vay, không kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay, cụ thể hồ sơ vay vốn khống: HĐTD số 7803-LAV-201500764 ngày 24/7/2015 với số tiền vay 105.000.000 đồng (đã tắt toán).

4.2. Hành vi lập hồ sơ vay vốn cho Trần Văn S trái quy định:

Trong năm 2015, S chỉ đạo Nh1 lập hồ sơ vay vốn cho S đứng tên với số tiền vay 200.000.000 đồng để trả món nợ khác của S. S cung cấp thông tin về số tiền vay, mục đích vay là mua sắm đồ dùng trong gia đình để Nh1 thiết lập hồ sơ (thực chất là Nh1 biết S lập hồ sơ để trả nợ cho các khoản vay trước đó, nhưng khoản vay nào thì Nh1 không biết). Lập hồ sơ xong, Nh1 ký tên vào phần cán bộ thẩm định, đưa cho Liễu Đức M2 ký kiểm soát và sau đó đưa cho S. Ngày 30/3/2016, theo sự chỉ đạo của S thì Nh1 lập biên bản kiểm tra vay vốn để hoàn thiện hồ sơ vay vốn chứ không tiến hành kiểm tra theo quy định. Khi thiết lập hồ sơ, mặc dù biết việc lập hồ sơ vay vốn cho S là trái quy định, việc cho vay phải tiến hành thẩm định, kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay nhưng Nh1 vẫn giúp S và S đã chiếm đoạt được tiền của ngân hàng, đến nay số tiền này chưa được khắc phục. Hợp đồng do S đứng tên vay do Nh1 lập khống: HĐTD số 7803-LAV-201600111 ngày 18/01/2016 với số tiền vay 200.000.000 đồng.

4.3. Hành vi giải ngân hồ sơ vay vốn khống:

Ngày 15/10/2015 khi Nh1 đang làm cán bộ tín dụng tại Phòng Kinh doanh của Agribank Sìn Hồ thì Lò Anh T4 là giao dịch viên Phòng Kế toán ngân quỹ của Agribank Sìn Hồ có việc nên nghỉ nên S phân công, chỉ đạo (không bằng văn bản) Nh1 xuống Phòng Kế toán ngân quỹ làm thay cho T4 (sử dụng mật khẩu, tài khoản của T4 cung cấp cho Nh1 để thực hiện các giao dịch). Trong quá trình làm giao dịch viên giải ngân, S chỉ đạo Nh1 ký giải ngân với vai trò giao dịch viên khoản vay 950.000.000 đồng mang tên HTX NLN&DV Chất Phát (HĐTD số 7803-LAV-201501151 ngày 15/10/2015) để chuyển tiền vào tài khoản của HTX NLN&DV Chất Phát. Sau đó, cùng ngày S chuyển tiền vào tài khoản Nguyễn Chí Thành ở thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Khi giải ngân, Nh1 biết việc không tiếp xúc với khách hàng, không đối chiếu so khớp giữa chữ ký của khách hàng trên hồ sơ giải ngân và hệ thống IPCAS là sai quy định nhưng vẫn thực hiện.

Như vậy, tổng số tiền Nh1 giúp S chiếm đoạt của ngân hàng là 1.255.000.000 đồng. Trong đó, S đã tắt toán số tiền 105.000.000 đồng, hiện còn 1.150.000.000 đồng chưa tắt toán, tiền lãi tính đến thời điểm khởi tố vụ án là 209.493.751 đồng (bao gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn). Tổng số tiền ngân hàng chịu thiệt hại chưa thể thu hồi tính đến thời điểm khởi tố là 1.359.493.751 đồng.

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội giúp S chiếm đoạt tiền từ ngân hàng, Nh1 không được lợi ích gì.

5. Bị cáo Khoàng Thị Nh:

Khoàng Thị Nh với vai trò là cán bộ tín dụng của Agribank Sìn Hồ, khi được giao nhiệm vụ là người quản lý khoản vay; có trách nhiệm soạn thảo hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay, đề xuất giải ngân khoản vay; kiểm tra, giám sát khoản vay, thẩm định và tái thẩm định khoản vay; theo dõi, đôn đốc thu hồi và xử lý khoản vay... Đây là khâu đầu tiên và quan trọng trong quy trình cấp tín dụng.

Mặc dù biết việc chỉ đạo của S là trái pháp luật, không đúng quy định, quy trình của ngân hàng trong việc cấp tín dụng nhưng do S chỉ đạo nên Nh thực hiện sai quy trình, quy định như: thẩm định, đánh giá điều kiện vay của khách hàng thiếu căn cứ, khách hàng không đủ điều kiện vay vốn vẫn đồng ý cho vay và đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt cho vay không đúng quy định, đề xuất phương thức giải ngân không đúng quy định, thực hiện không đúng trách nhiệm kiểm tra, giám sát cho vay của người quản lý khoản vay theo quy định, không yêu cầu khách hàng bổ sung đầy đủ chứng từ chứng minh mục đích sử dụng tiền vay đúng theo quy định. Nh đã thực hiện không đúng chức trách, nhiệm vụ được giao nên đã giúp cho S chiếm đoạt tiền của ngân hàng.

Trong năm 2015 và 2016, theo sự chỉ đạo của S, Nh đã lập 02 hồ sơ vay vốn cho do S đứng tên và 01 hồ sơ vay vốn mang tên Lương Thị Thủy (vợ S), các thông tin như: số tiền vay, thời gian vay, mục đích vay do S cung cấp. Sau khi lập không hồ sơ xong, Nh ký vào phần người thẩm định rồi đưa cho M2, D ký phần kiểm soát, X ký phê duyệt và giải ngân. Nh chỉ biết S rút tiền ngân hàng, còn việc sử dụng vào việc gì thì Nh không biết, cụ thể:

- Tên khách hàng Lương Thị Thủy:

- + HẾTĐ số 7803-LAV-201501130 ngày 01/10/2015 với số tiền vay 20.000.000 đồng (đã tắt toán).

- Tên khách hàng Trần Văn S:

- + HẾTĐ số 7803-LAV-201501335 ngày 13/11/2015 với số tiền vay 310.000.000 đồng;

- + HẾTĐ số 7803-LAV-201600101 ngày 15/01/2016 với số tiền vay 540.000.000 đồng;

Như vậy, tổng số tiền Nh giúp S chiếm đoạt của ngân hàng là 870.000.000 đồng. Trong đó, S đã tắt toán số tiền 20.000.000 đồng, hiện còn 850.000.000 đồng chưa tắt toán, tiền lãi tính đến thời điểm khởi tố vụ án là 124.920.972 đồng (bao gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn). Tổng số tiền ngân hàng chịu thiệt hại chưa thể thu hồi tính đến thời điểm khởi tố là 974.920.972 đồng.

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội giúp S chiếm đoạt tiền từ ngân hàng, Nh không được lợi ích gì.

II. Nhóm các bị cáo thực hiện hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng như sau:

1. Bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2:

Nguyễn Thị Phương Th2 với vai trò là thủ quỹ, có trách nhiệm tuân thủ các quy định nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi, bảo quản tiền mặt, tài sản, xuất nhập giấy tờ có giá, tài sản bảo đảm tại quỹ, thực hiện thu, chi tiền mặt với khách hàng, thủ quỹ chính, giao dịch viên... Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Th2 đã không thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình nghiệp vụ, thiếu trách nhiệm trong việc đối chiếu giấy tờ có liên quan, giao dịch khi không có khách hàng, giao dịch chi tiền mặt sai quy định dẫn đến hậu quả S, C lợi dụng sơ hở, câu kết với các cán bộ ngân hàng khác để chiếm đoạt tiền của ngân hàng, cụ thể:

Năm 2011, S chỉ đạo Th2 thực hiện 01 giao dịch lĩnh tiền mặt từ tài khoản của Công ty TNHH MTV XD&TM Trung Hiếu với tiền 22.500.000 đồng, Th2 thực hiện giao dịch chuyển tiền, rút tiền từ số tiền vay 1.600.000.000 đồng do S chỉ đạo cán bộ tín dụng lập khống mang tên Công ty TNHH XD&TM Trung Hiếu (HĐTD số 7803-LAV-201100369 ngày 14/10/2011), sau đó giải ngân vào tài khoản của Công ty TNHH XD&TM Trung Hiếu (đã tắt toán).

Trong thời gian năm 2015 và 2016, khi Th2 đang là thủ quỹ của Agribank Sìn Hồ, S có xuống Phòng Kế toán ngân quỹ chỉ đạo Trần Thị Kim O1 là Giao dịch viên chính thực hiện hạch toán rút, nộp, chuyển khoản tiền theo chứng từ S đưa cho O1 và chỉ đạo Th2 chi tiền mặt theo chứng từ. Mặc dù không có khách hàng là chủ tài khoản đến giao dịch như trên chứng từ nhưng S nói là rút và chuyển tiền cho khách hàng, vì nể nang S là Giám đốc nên O1 và Th2 thực hiện hạch toán các giao dịch theo chứng từ S đưa. Th2 đã thực hiện chi tiền mặt 06 bút toán (chi tiền mặt trên 05 hợp đồng liên quan đến S) với tổng số tiền 5.490.000.000 đồng, tiền lãi tính đến thời điểm khởi tố là 994.052.000 đồng.

Hành vi thiếu trách nhiệm của Th2 cùng đồng phạm liên quan đến hợp đồng mà S chỉ đạo lập khống đã gây thiệt hại cho ngân hàng là 6.506.552.000 đồng. Khi có đoàn kiểm tra của Agribank Việt Nam kiểm tra thì Th2 mới biết các chứng từ mình hạch toán giải ngân là do S lập khống.

Cũng trong năm 2015, Th2 tiếp nhận 02 Giấy lĩnh tiền mặt do Giao dịch viên O1 chuyển cho, Th2 thấy trên chứng từ đã ghi đầy đủ nội dung, có chữ ký của khách hàng và giao dịch viên, kiểm soát viên nên Th2 tiến hành thực hiện 02 bút toán chi tiền mặt với số tiền 1.209.000.000 đồng (hạch toán HĐTD số 7803-LAV-201500665 ngày 30/6/2015, tên khách hàng Vũ Văn Mạnh). Khi thực hiện giao dịch chi tiền mặt, Th2 không tiến hành nhận dạng khách hàng qua việc so sánh giữa giấy tờ tùy thân với khách hàng đến giao dịch. Th2 không biết các chứng từ mình thực hiện do C và các cán bộ ngân hàng lập khống.

Như vậy, việc thực hiện 01 giao dịch và hạch toán giải ngân 08 bút toán như trên là hành vi thiếu trách nhiệm của Th2 đã gây thiệt hại cho ngân hàng là 7.715.552.000 đồng.

2. Bị cáo Phan Quang Ngh1:

Phan Quang Ngh1 với tư cách là Trưởng phòng Kế toán ngân quỹ Agribank Sìn Hồ, chịu trách nhiệm kiểm tra thường xuyên hay đột xuất quỹ tiền mặt thực tế của Giao dịch viên, thủ quỹ chính, thủ quỹ; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và của Agribank Việt Nam nếu để xảy ra vi phạm gây tổn thất cho Agribank Việt Nam trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện giao dịch thuộc phạm vi quản lý...

Với tư cách là Kiểm soát viên trên phần mềm IPCAS, Ngh1 có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát trực tiếp trên chứng từ giấy và thông tin đăng nhập trên hệ thống IPCAS đối với các giao dịch do Giao dịch viên thực hiện trong phạm vi thẩm quyền được phê duyệt; chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ và chính xác của chứng từ, nội dung nghiệp vụ do mình kiểm soát, phê duyệt. Cuối ngày giao dịch kiểm tra, đối chiếu giữa hồ sơ, chứng từ giao dịch thực hiện trong ngày với bảng kê giao dịch của Giao dịch viên trong thẩm quyền phụ trách...

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ngh1 đã thiếu trách nhiệm khi không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra đối chiếu giữa hồ sơ, chứng từ giao dịch với nội dung Giao dịch viên nhập trên máy dẫn đến hậu quả là S và các đồng phạm lợi dụng sự thiếu trách nhiệm đó để S chiếm đoạt tiền của ngân hàng, cụ thể:

Khoảng thời gian tháng 8/2015 Ngh1 được chuyển về công tác tại Agribank Sìn Hồ với vai trò là Trưởng phòng Kế toán ngân quỹ, khi kiểm soát giải ngân các món vay, Ngh1 thực hiện như sau: khi Giao dịch viên giải ngân tiếp nhận hồ sơ giải ngân từ cán bộ tín dụng cũng như tiếp xúc giao dịch với khách hàng thì Giao dịch viên sẽ kiểm tra các thông tin trên hồ sơ giải ngân, nếu đảm bảo tính khớp đúng, hợp lệ, hợp pháp thì sẽ nhập thông tin giải ngân vào hệ thống máy tính rồi chuyển cho Ngh1 - Kiểm soát viên xem xét duyệt giải ngân trên máy tính mà không chuyển trực tiếp hồ sơ cho Ngh1. Căn cứ vào thông tin Giao dịch viên chuyển trên máy tính, Ngh1 kiểm tra tính khớp đúng và phê duyệt giải ngân trên máy tính rồi chuyển lại cho Giao dịch viên thực hiện các bước giải ngân cho khách hàng (chuyển khoản hoặc rút tiền mặt). Bản thân Ngh1 không có trách nhiệm tiếp xúc với khách hàng.

Trong năm 2015, 2016 Ngh1 đã thực hiện ký kiểm soát giải ngân 24 bút toán (giải ngân trên 22 hợp đồng liên quan đến Trần Văn S) với tổng số tiền 29.110.000.000 đồng. Trong đó, số tiền đã tất toán số tiền 2.120.000.000 đồng, hiện còn 26.990.000.000 đồng chưa tất toán, tiền lãi tính đến thời điểm khởi tố vụ án là 4.283.334.411 đồng (bao gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn). Tổng số tiền ngân hàng chịu thiệt hại do hành vi thiếu trách nhiệm của Ngh1 cùng các cán bộ ngân hàng liên quan đến S gây ra là 31.273.334.411 đồng. Ngh1 không biết các chứng từ giải ngân mình kiểm soát là những khoản vay trong hồ sơ do lập không mà có.

Cùng với cách thức giải ngân như trên, trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, Ngh1 thực hiện giải ngân 12 bút toán (giải ngân trên 11 hợp đồng liên quan đến Đặng Tiến C) với số tiền là 22.900.000.000 đồng. Trong đó, số tiền đã tất toán là 3.294.000.000 đồng, hiện còn 19.606.000.000 đồng chưa tất toán, tiền lãi tính đến thời điểm khởi tố vụ án là 2.081.980.627 đồng (bao gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn). Tổng số tiền ngân hàng chịu thiệt hại do hành vi thiếu trách nhiệm của Ngh1 cùng các cán bộ ngân hàng liên quan đến C gây ra là 21.687.980.627 đồng. Ngh1 không biết các chứng từ giải ngân mình kiểm soát là những khoản vay trong hồ sơ do lập không mà có.

Như vậy, với việc hạch toán giải ngân 36 bút toán như trên là hành vi thiếu trách nhiệm của Ngh1 đã gây thiệt hại cho ngân hàng là 52.961.315.038 đồng.

Quá trình Agribank Việt Nam tiến hành kiểm tra thì Ngh1 mới biết sự việc S lập không hồ sơ và bộ phận kế toán giải ngân chưa đúng quy định của Agribank. Nhận thức được sai phạm của bản thân cũng như của các cá nhân có liên quan của Agribank Sìn Hồ nên Ngh1 đã đến cơ quan điều tra để tự thú về hành vi phạm tội của mình, đồng thời Ngh1 cung cấp các tài liệu, chứng cứ là cơ sở và phục vụ cho cơ quan điều tra tiến hành các hoạt động điều tra, khám phá và làm rõ các hành vi phạm tội xảy ra tại Agribank Sìn Hồ.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 08 bị cáo khác gồm: Liễu Đức M2, Phạm Ngọc D, Nguyễn Hồng V1, Bùi Anh T3, Lò Anh T4, Trịnh Đức L2, Trần Thị Kim O1, Phan Sỹ C1. Do các bị cáo này không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị; hành vi phạm tội của các bị cáo đã được xác định như quy kết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu, nên Tòa án cấp phúc thẩm không nêu lại hành vi của các bị cáo này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 27/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn S, Lò Văn X, Đặng Tiến C, Nguyễn Văn Nh1, Khoảng Thị Nh phạm tội “Tham ô tài sản”;

Các bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Quang Ngh1 phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

1. Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278, Điều 20, Điều 53, điểm b, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7 và điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Trần Văn S tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278, Điều 20, Điều 53, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7 và điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Đặng Tiến C tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 01/6/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278, Điều 20, Điều 53, điểm b, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7 và điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Lò Văn X 16 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 06/12/2017.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278, Điều 20, Điều 53, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 54; điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Khoàng Thị Nh 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278, Điều 20, Điều 53, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 54; điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Nh1 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 285, điểm b, o, p, q khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; xử phạt bị cáo Phan Quang Ngh1 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 285, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

2. Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015 cấm bị cáo Lò Văn X đảm nhận các chức vụ (vị trí công việc) trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ (hoạt động cho vay) của ngân hàng trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù; cấm các bị cáo Khoàng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1 đảm nhận các chức vụ (vị trí công việc) trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ (hoạt động cho vay) của ngân hàng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng khoản 3 Điều 285 Bộ luật hình sự 1999 cấm các bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Quang Ngh1 đảm nhận các chức vụ (vị trí công việc) trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ (hoạt động cho vay) của ngân hàng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự 1999; buộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Thủy sản An Gi2 phải hoàn trả lại cho Agribank Việt Nam số tiền 29.299.428.680 đồng (*Hai mươi chín tỷ hai trăm chín mươi chín triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng*).

- Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự 1999 và các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự:

* Buộc các bị cáo Trần Văn S, Lò Văn X, Liễu Đức M2, Phạm Ngọc D, Nguyễn Hồng V1, Bùi Anh T3, Khoản Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1 phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Agribank Việt Nam liên quan đến các khoản tiền mà Trần Văn S đã chiếm đoạt và gây thiệt hại là 42.685.711.143 đồng. Trong đó, trách nhiệm bồi thường thiệt hại và ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của mỗi bị cáo, cụ thể như sau:

- Trần Văn S 40.949.711.143 đồng, được khấu trừ đi các số tiền sau:
- + Trần Văn S đã nộp là 25.000.000 đồng;
- + Số tiền các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại: Nguyễn Thị Phương Th2 là 20.000.000 đồng, Phan Sỹ C1 là 55.000.000 đồng;
- + Số tiền Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Gi2 phải hoàn trả cho Agribank Việt Nam là 29.299.428.680 đồng.

Do đó, Trần Văn S còn phải tiếp tục thi hành là 11.550.282.463 đồng (*Mười một tỷ năm trăm năm mươi triệu hai trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng*).

- Lò Văn X 400.000.000 đồng, được khấu trừ đi 10.000.000 đồng đã nộp, còn phải tiếp tục thi hành là 390.000.000 đồng (*Ba trăm chín mươi triệu đồng chẵn*).
- Khoản Thị Nh 24.000.000 đồng, được khấu trừ đi 10.000.000 đồng đã nộp, còn phải tiếp tục thi hành 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng chẵn*).
- Nguyễn Văn Nh1 90.000.000 đồng, được khấu trừ đi 90.000.000 đồng đã nộp, xác nhận Nguyễn Văn Nh1 đã thi hành xong phần trách nhiệm dân sự của bị cáo.

* Buộc các bị cáo Đặng Tiến C, Trần Văn S, Lò Văn X, Liễu Đức M2, Phạm Ngọc D, Nguyễn Hồng V1 phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Agribank Việt Nam liên quan đến các khoản vay mà Đặng Tiến C đã chiếm đoạt và gây thiệt hại là 29.624.949.801 đồng. Trong đó, trách nhiệm bồi thường thiệt hại và ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của mỗi bị cáo, cụ thể như sau:

- Đặng Tiến C 28.416.949.801 đồng, được khấu trừ đi số tiền các bị cáo tự nguyện bồi thường: Phan Quang Ngh1 là 20.000.000 đồng, Trần Thị Kim O1 là 5.000.000 đồng, Lò Anh T4 là 10.000.000 đồng, Trịnh Đức L2 là 5.000.000 đồng.

Do đó, bị cáo Đặng Tiến C còn phải tiếp tục thi hành là 28.376.949.801 đồng (*Hai mươi tám tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm linh một đồng*).

- Trần Văn S 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*).
- Lò Văn X 410.000.000 đồng, được khấu trừ đi 10.000.000 đồng đã nộp, còn phải tiếp tục thi hành là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng chẵn*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt; trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo Liễu Đức M2, Phạm Ngọc D, Nguyễn Hồng V1, Bùi Anh T4, Lò Anh T4, Trịnh Đức L2, Trần Thị Kim O1, Phan Sỹ C; xử lý vật

chứng; kê biên tài sản và phong tỏa tài khoản; trách nhiệm thi hành án; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/8/2020, các bị cáo Trần Văn S, Đặng Tiến C, Lò Văn X kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại; bị cáo Trần Văn S còn đề nghị Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Gi2 phải có trách nhiệm trả lại cho Agribank Việt Nam số tiền 29.299.428.680 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết.

Ngày 04/9/2020, bị cáo Nguyễn Văn Nh1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 07/9/2020, các bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Quang Ngh1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 08/9/2020, bị cáo Khoàng Thị Nh kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 11/9/2020, người có quyền lợi, Ngh1 vụ liên quan là Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Gi2 kháng cáo với nội dung cho rằng Công ty không có trách nhiệm phải trả lại cho Agribank Việt Nam số tiền 29.299.428.680 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Trần Văn S, Lò Văn X vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh vì hành vi của các bị cáo không thỏa mãn dấu hiệu của tội “Tham ô tài sản”, quá trình điều tra, xét xử bị cáo S thừa nhận có thực hiện hành vi như cấp sơ thẩm mô tả, bị cáo cho rằng bản thân có vi phạm pháp luật nhưng chỉ vi phạm các quy định của ngân hàng. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh cho các bị cáo.

Bị cáo Đặng Tiến C thay đổi nội dung kháng cáo từ đề nghị hủy bản án sơ thẩm sang kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết và xuất trình thêm các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã nộp 1,7 tỷ đồng tiền bồi thường, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đề nghị phát mãi tài sản mà cơ quan điều tra đã kê biên để trả nợ cho Agribank Việt Nam và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo Khoàng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1, Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Quang Ngh1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo; các bị cáo đều thừa nhận diễn biến hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm xác định và xuất trình các tình tiết giảm nhẹ mới như:

Bị cáo Khoàng Thị Nh khai báo thành khẩn, bị cáo tích cực và tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại như bản án sơ thẩm quy kết; bị cáo phạm tội lần đầu và có vai trò giúp sức không đáng kể trong vụ án đồng phạm, quá trình đưa vụ án ra xét xử bị cáo mang thai, hiện nay bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi,

chồng bị cáo làm nhân viên Công ty viễn thông Viettel Lai Châu được giao trực tuyến biên giới hai huyện Nậm Nhùn - Mường Tè của tỉnh Lai Châu, bị cáo là lao động chính, mong đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc con nhỏ.

Bị cáo Nguyễn Văn Nh1 thành khẩn khai báo, bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại 90 triệu đồng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công với cách mạng, người bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo, bị cáo hiện đang có công việc ổn định, được Công ty cổ phần an ninh Đèo Cả là cơ quan nơi bị cáo làm việc cam kết bảo lãnh nhân sự, bị cáo thực hiện công việc theo sự chỉ đạo của Trần Văn S làm thay công việc của Lò Anh T4, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2 thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của Nhà nước, quá trình công tác đã hoàn thành nhiệm vụ được giao; đã tích cực khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; bị cáo tham gia hiến máu tình nguyện; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, có 02 con còn nhỏ, trong đó có 01 con sức khỏe yếu bị bệnh thoát vị màng não vùng chẩm, được Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Lai Châu xác nhận về việc các bị cáo tích cực tham gia ủng hộ công tác phòng chống covid 19, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Phan Quang Ngh1 đã tự nguyện đến cơ quan điều tra tự thú, đồng thời cung cấp một số tài liệu để Cơ quan điều tra xác minh, khởi tố vụ án; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực bồi thường thiệt hại; quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc được Agribank Việt Nam tặng danh hiệu chiến sỹ thu đua cơ sở; gia đình bị cáo có công với cách mạng; được Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Lai Châu xác nhận về việc các bị cáo tích cực tham gia ủng hộ công tác phòng chống covid 19, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị hại Agribank Việt Nam có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty thủy sản An Gi2 phải hoàn trả cho Agribank Việt Nam số tiền 29.299.428.680 đồng là đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Công ty thủy sản An Gi2, giữ nguyên bản án sơ thẩm phân trách nhiệm dân sự liên quan đến Agribank Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty thủy sản An Gi2 cho rằng Công ty thủy sản An Gi2 không có trách nhiệm phải trả lại Agribank Việt Nam số tiền 29.299.428.680 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định vì: Công ty thủy sản An Gi2 không biết nguồn gốc số tiền Công ty TNHH Quang Chiến thanh toán cho công ty mình và đã nhận đủ tiền theo thỏa thuận của hợp đồng, giao dịch mua bán cá là giao dịch dân sự bình thường phù hợp với quy định của pháp luật và đã kết thúc. Bị cáo S khai số tiền thanh toán tiền mua cá từ tài khoản Công ty TNHH

Quang Chiến cho Công ty thủy sản An Gi2 sau khi Công ty xuất khẩu sang Liên bang Nga theo hợp đồng là do S lập hồ sơ khống chiếm đoạt tiền từ Agribank Sìn Hồ nhưng tại thời điểm thanh toán, Công ty thủy sản An Gi2 không biết tiền do phạm tội mà có. Vì vậy, Công ty thủy sản An Gi2 không có Ngh1 vụ trả lại cho Agribank số tiền 29.299.428.680 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty thủy sản An Gi2, sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, Công ty thủy sản An Gi2, có quan điểm giải quyết vụ án:

Kháng cáo của các bị cáo Trần Văn S, Đặng Tiến Cương, Lò Văn X, Khoàng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1, Nguyễn Thị Phương Th2 và kháng cáo của Công ty thủy sản An Gi2 trong thời hạn, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, các chứng cứ tài liệu đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử các bị cáo Trần Văn S, Đặng Tiến C, Lò Văn X, Khoàng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1 về tội “Tham ô tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999; xét xử các bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Quang Ngh1 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Căn cứ lời khai của bị cáo S, lời khai của Vũ Văn K2 trong giai đoạn điều tra, ý kiến của đại diện Công ty thủy sản An Gi2 và các tài liệu, chứng cứ khác đã xác định việc S lập hồ sơ vay vốn giả, sau đó chuyển khoản số tiền vay vào tài khoản Công ty TNHH Quang Chiến và từ tài khoản Công ty TNHH Quang Chiến, S lại chuyển tiếp cho Công ty thủy sản An Gi2 tổng số tiền 29.299.428.680 đồng. Đây là số tiền Trần Văn S chiếm đoạt của Agribank Sìn Hồ để thanh toán tiền mua cá cho Công ty TNHH Quang Chiến là tiền do phạm tội mà có, do đó cần áp dụng biện pháp hoàn nguyên (khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại tài sản). Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc Công ty thủy sản An Gi2 phải hoàn trả lại cho Agribank Việt Nam số tiền 29.299.428.680 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty thủy sản An Gi2 về nội dung này.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn S, Lò Văn X và kháng cáo của Công ty thủy sản An Gi2; giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Trần Văn S, Lò Văn X và phần trách nhiệm dân sự liên quan đến Công ty thủy sản An Gi2.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự sửa một phần Bản án sơ thẩm về phân hình phạt đối với các bị cáo Đặng Tiến C xử phạt bị cáo 20 năm tù; giảm một phần hình phạt đối với bị cáo Khoảng Thị Nh; đối với các bị cáo Nguyễn Văn Nh1, Phan Quang Ngh1 và Nguyễn Thị Phương Th2 theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn S có quan điểm: không đồng tình với bản án sơ thẩm vì quá trình điều tra, truy tố, xét xử cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, điều tra không đầy đủ, không khách quan mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, Tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, quy kết bị cáo Trần Văn S phạm tội “Tham ô tài sản” là không chính xác, quy kết số tiền bị cáo chiếm đoạt là không đúng, không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bản án sơ thẩm, tuy nhiên quá trình điều tra, xét xử bị cáo thừa nhận có thực hiện hành vi như cấp sơ thẩm mô tả nhưng bị cáo cho rằng bản thân có vi phạm pháp luật nhưng chỉ vi phạm các quy định của ngân hàng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của bị cáo S trong các hợp đồng tín dụng và các khoản vay khác để làm rõ ý thức chiếm đoạt của bị cáo nếu có. Về trách nhiệm bồi thường quy kết bị cáo số tiền bồi thường, tính lãi, thời gian tính lãi là không chính xác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại hoặc nếu xác định bị cáo phạm tội khác thì chuyển tội danh đồng thời xem xét các tình tiết giảm nhẹ để cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất và xem xét lại trách nhiệm bồi thường cho bị cáo Trần Văn S.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Tiến C có quan điểm: Bị cáo Đặng Tiến C không phạm tội “Tham ô tài sản”, hành vi của bị cáo là độc lập với hành vi của các cán bộ tín dụng Agribank Sìn Hồ, mục đích của bị cáo là vay vốn ngân hàng để hoạt động kinh doanh, nghĩa vụ của bị cáo là trả lãi suất cho ngân hàng và thực tế bị cáo đã trả rất nhiều lãi suất cho ngân hàng, bị cáo không có mục đích chiếm đoạt tiền của ngân hàng; việc điều tra không đầy đủ, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, chưa làm rõ thiệt hại của ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tham ô tài sản” theo Điều 278 Bộ luật hình sự 1999 với mức án tù chung thân là chưa chính xác, hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chuyển tội danh cho bị cáo sang tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng” theo Điều 179 Bộ luật hình sự 1999 là phù hợp và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: thành khẩn khai báo, đã khắc phục hậu quả để giảm hình phạt cho bị cáo Đặng Tiến C hoặc cần thiết hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại. Trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại thì đề nghị thay đổi biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo C để bị cáo có thể khắc phục hậu quả.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn X có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm nhận

định của bản án sơ thẩm về việc quy kết bị cáo về tội “Tham ô tài sản” là không chính xác, bị cáo không chiếm đoạt và không có ý thức chiếm đoạt, không được hưởng lợi, tài liệu trong hồ sơ vụ án không phản ánh được lỗi cố ý của các bị cáo, bị cáo X chỉ do cả nể mà giúp cho S, việc bị cáo có sai phạm đến đâu thì xử lý đến đó; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh cho bị cáo X và các bị cáo khác, xử bị cáo về tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo Điều 165 Bộ luật hình sự 1999 và xem xét các tình tiết giảm nhẹ để xử bị cáo Lò Văn X mức án thấp nhất.

Người bào chữa cho bị cáo Khoảng Thị Nh có quan điểm: Không nhất trí về tội danh mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Nh vì: bị cáo không có động cơ mục đích phạm tội, bản thân bị cáo chỉ là nhân viên ngân hàng thực hiện sự chỉ đạo của thủ trưởng đơn vị; bị cáo không được người chủ mưu cho biết động cơ mục đích và không được hưởng lợi ích gì; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 01 Nghị quyết số 42/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc hội xét xử bị cáo Nh về tội theo Điều 206 Bộ luật hình sự và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ý thức khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn; đã nộp tiền án phí sơ thẩm; quá trình đưa vụ án ra xét xử bị cáo đang mang thai, hiện nay bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, chồng bị cáo ..., áp dụng thêm Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Khoảng Thị Nh mức án nhẹ nhất và phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Nh1 có quan điểm: Bị cáo không có động cơ mục đích phạm tội, bản thân bị cáo chỉ là nhân viên ngân hàng thực hiện sự chỉ đạo của thủ trưởng đơn vị; bị cáo không được người chủ mưu cho biết động cơ mục đích và không được hưởng lợi ích gì. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, thực hiện tốt mọi chính sách pháp luật của Nhà nước, đã khắc phục hậu quả, hoàn cảnh gia đình khó khăn, quá trình công tác bị cáo được tặng thưởng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù là quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất và cho bị cáo Nh1 được hưởng án treo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Agribank Việt Nam có quan điểm: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục áp dụng các biện pháp bảo đảm đối với tài sản của các bị cáo để đảm bảo việc trả nợ cho Agribank Việt Nam chi nhánh Sìn Hồ gồm cả tài sản cá nhân và tài sản đang thế chấp tại Agribank Sìn Hồ. Đối với bị cáo Trần Văn S đề nghị Hội đồng xét xử yêu cầu Công ty thủy sản An Gi2 hoàn trả số tiền 29.299.428.680 đồng cho Agribank Việt Nam; tiếp tục làm rõ hành vi của Vũ Văn K2 và Công ty TNHH Quang Chiến tạo cơ hội cho bị cáo Trần Văn S thu hồi được tiền trả cho Agribank Việt Nam đồng thời xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo S, X, Nh, Nh1, Th2, Ngh1. Bị cáo Đặng Tiến C là chủ doanh nghiệp Đức C và là khách hàng thường xuyên của Agribank

Sin Hồ, đề nghị Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho bị cáo C có cơ hội sớm đưa doanh nghiệp hoạt động trở lại để khắc phục hậu quả cho Agribank Sin Hồ.

Hành vi của Trần Văn S và những người liên quan lập khống các hồ sơ hợp đồng tín dụng đã chuyển vào tài khoản của Công ty thủy sản An Gi2 số tiền 29.299.428.680 đồng là vi phạm pháp luật theo điểm a khoản 4 Điều 278 Bộ luật hình sự, do đó Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự 1999 buộc Công ty thủy sản An Gi2 hoàn trả cho Agribank Việt Nam số tiền 29.299.428.680 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Công ty thủy sản An Gi2, giữ nguyên bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự liên quan đến Công ty thủy sản An Gi2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty thủy sản An Gi2 có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ số tiền 29.299.428.680 đồng là tiền phạm tội mà có và buộc Công ty thủy sản An Gi2 phải hoàn trả cho Agribank Việt Nam là không đúng quy định của pháp luật vì: Theo hồ sơ vụ án xác định dòng tiền mà Công ty TNHH Quang Chiến sử dụng để thanh toán cho Công ty thủy sản An Gi2 được hình thành từ 2 nguồn: tiền chuyển dịch từ ngân hàng Agribank Sin Hồ vào tài khoản VNĐ số 7803201000817 và tiền từ Công ty TDMIR liên bang Nga trả vào tài khoản USD số 7803201002394, sau đó được quy đổi ra VNĐ và chuyển sang tài khoản VNĐ số 7803201000817. Công ty thủy sản An Gi2 nhận tiền của Công ty TNHH Quang Chiến trên cơ sở thực hiện hợp đồng mua bán cá giữa Công ty thủy sản An Gi2 và Công ty tại Nga mà Công ty Quang Chiến là trung gian. Trong tổng số tiền 29.299.428.680 đồng Công ty Quang Chiến trả cho Công ty thủy sản An Gi2 không chỉ sử dụng nguồn tiền từ 10 hợp đồng do bị cáo S lập khống mà còn bao gồm cả nguồn tiền do Công ty TD MIR liên bang Nga thanh toán. Bản án sơ thẩm nhận định bị cáo Trần Văn S cùng các đồng phạm đã chiếm đoạt của Agribank Sin Hồ số tiền 20.350.000.000 đồng, tương ứng với 10 hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, khi áp dụng biện pháp tư pháp thu hồi số tiền do phạm tội mà có Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ vào tổng số tiền mà Công ty thủy sản An Gi2 nhận theo hợp đồng mua bán cá tra phi lê với Công ty Quang Chiến và Công ty TDMIR liên bang Nga là 29.299.428.680 đồng và yêu cầu Công ty thủy sản An Gi2 hoàn trả số tiền này là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999, Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự 2015, điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của Công ty thủy sản An Gi2, sửa bản án thẩm về phần trách nhiệm dân sự, không buộc Công ty thủy sản An Gi2 phải hoàn trả lại cho Agribank Việt Nam số tiền 29.299.428.680 đồng.

Trong phần tranh luận lại, các luật sư, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên quan điểm quan điểm trong phần trình bày nêu trên.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Trần Văn S, Lò Văn X đề nghị xem xét lại tội danh và xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm hình phạt cho các bị cáo; bị cáo

Đặng Tiến C đề nghị xem xét lại tội danh và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm được trở về làm ăn trả lại ngân hàng; cho phép gia đình bị cáo bán hết tài sản để trả ngân hàng; các bị cáo Khoảng Thị Nh, Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Quang Ngh1 đề nghị cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, các Cơ quan tiền hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Kháng cáo của các bị cáo; kháng cáo của người có quyền lợi, Ngh1 vụ liên quan đảm bảo về hình thức, trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Hành vi phạm tội của các của bị cáo:

[2.1] Nhóm các bị cáo phạm tội “Tham ô tài sản”:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2017 với động cơ, mục đích vụ lợi cá nhân, Trần Văn S là Giám đốc Agribank Sìn Hồ và sau này là Trưởng phòng kinh doanh Agribank Lai Châu đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao chỉ đạo Liễu Đức M2, Phạm Ngọc D, Nguyễn Hồng Việt, Khoảng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1, Bùi Anh T3 lập 32 hồ sơ vay vốn giả, 05 hồ sơ vay vốn đứng tên Trần Văn S (các hồ sơ đứng tên S có một số các sai phạm như: hồ sơ vay vốn có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất nhưng thực tế hồ sơ thế chấp không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không có hồ sơ pháp lý khách hàng; không có tài liệu chứng minh khả năng tài chính; không kiểm tra giám sát cho vay; không có giấy đề nghị vay vốn; cho vay không có tài sản bảo đảm; hợp đồng tín dụng không có chữ ký người đại diện và dấu của ngân hàng; không có phê duyệt của người có thẩm quyền tại phần giám định, phê duyệt cho vay ...). S chỉ đạo và nhờ Lò Văn X là Phó Giám đốc và sau này là Giám đốc Agribank Sìn Hồ ký phê duyệt các khoản vay, giải ngân trên 08 hồ sơ vay vốn giả, 05 hồ sơ vay vốn mang tên S để chiếm đoạt tiền của Agribank Việt Nam tại Agribank Sìn Hồ do S và X là người được giao nhiệm vụ quản lý.

Cũng trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, Trần Văn S là Giám đốc Agribank Sìn Hồ đã cùng Lò Văn X là Phó Giám đốc và sau này là Giám đốc Agribank Sìn Hồ câu kết với Đặng Tiến C là Giám đốc Công ty TNHH

MTV Đức C, chỉ đạo Phạm Ngọc D, Nguyễn Hồng V1 lập 13 hồ sơ vay vốn giả để giúp C chiếm đoạt tiền của Agribank Việt Nam tại Agribank Sìn Hồ do S và X là người được giao nhiệm vụ quản lý.

Khoảng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1 và các bị cáo khác dưới sự chỉ đạo của Trần Văn S, Lò Văn X, dù biết việc lập hồ sơ vay vốn giả, lập hồ sơ vay sai phạm đứng tên Trần Văn S là vi phạm pháp luật, nhưng vì S, X chỉ đạo nên Nh, Nh1 vẫn cố ý thực hiện hành vi lập hồ sơ sai phạm để giúp S, C chiếm đoạt tiền của Agribank Việt Nam tại Agribank Sìn Hồ mà S, X có trách nhiệm quản lý.

[2.1.1]. Đối với Trần Văn S:

Số tiền Trần Văn S trực tiếp chiếm đoạt của Agribank Việt Nam tại Agribank Sìn Hồ là 42.235.000.000 đồng (trong đó, số tiền S đã tất toán là 8.077.728.000 đồng, số tiền còn lại chưa tất toán (thực tế chiếm đoạt) là 34.157.272.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt đều được S sử dụng vào mục đích cá nhân (trong đó, thông qua tài khoản của Công ty TNHH Quang Chiến chuyển vào tài khoản của Công ty thủy sản An Gi2 số tiền 29.299.428.680 đồng) đến nay không có khả năng hoàn trả.

Số tiền Trần Văn S giúp Đặng Tiến C chiếm đoạt của Agribank Việt Nam tại Agribank Sìn Hồ là 6.400.000.000 đồng, bản thân S không được hưởng lợi gì.

Như vậy, tổng số tiền S chiếm đoạt và giúp C chiếm đoạt của Agribank Việt Nam tại Agribank Sìn Hồ là 48.635.000.000 đồng.

Hành vi chiếm đoạt tiền của Agribank Việt Nam tại Agribank Sìn Hồ hoàn thành từ thời điểm dòng tiền từ ngân hàng thoát khỏi sự quản lý của ngân hàng thông qua việc bị cáo và đồng phạm lập hồ sơ vay vốn giả, hồ sơ vay vốn sai phạm để giải ngân tiền vay; bị cáo tư lợi tiền chiếm đoạt bằng chính việc trả tiền mua cá xuất khẩu cho Công ty TNHH Quang Chiến của Vũ Văn K2; việc bị cáo trả nợ cho các khoản tiền chiếm đoạt trước đó bằng thủ đoạn lập hồ sơ vay vốn giả, vay vốn sai phạm để tất toán các khoản tiền đã chiếm đoạt trước đó, đây không phải là ý thức và hành vi trả nợ chính đáng, việc bị cáo không là người có chức vụ, quyền hạn, không có trách nhiệm quản lý tài sản ở Agribank Sìn Hồ từ sau ngày 01/4/2016. Tuy nhiên, xét về bản chất và xuyên suốt các hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn S từ năm 2011 đến năm 2016 thì thấy rằng, với mục đích chiếm đoạt tài sản từ hồ sơ vay vốn giả, hồ sơ vay vốn sai phạm nên bị cáo dùng mọi thủ đoạn, dùng sự ảnh hưởng của bản thân để tác động, chi phối, rủ rê, lôi kéo, thúc đẩy các nhân viên dưới quyền trước đó tiếp tục lập hồ sơ vay vốn giả để lấy tiền từ ngân hàng ra. Cho dù bị cáo không còn trách nhiệm trực tiếp quản lý tài sản, không có chức vụ, quyền hạn nữa nhưng với vai trò chủ mưu, cầm đầu, bị cáo tiếp tục khởi xướng, chỉ đạo các bị cáo khác thực hiện tội phạm. Liên quan đến các khoản vay của Đặng Tiến C thấy rằng, cũng bằng thủ đoạn lập hồ sơ vay vốn giả và được sự tiếp tay, thông đồng của các bị cáo nên C chiếm đoạt tiền của Agribank

Sin Hồ. Tuy S không hưởng lợi ích gì từ hành vi chiếm đoạt tài sản của C nhưng bị cáo đã chỉ đạo nhân viên dưới quyền lập hồ sơ vay vốn giả để C rút tiền từ ngân hàng ra và đến nay chưa khắc phục được hậu quả. Về vai trò của Vũ Văn K2 - Giám đốc Công ty TNHH Quang Chiến, trong quá trình điều tra và chuẩn bị xét xử không xác định được K2 đi đâu, làm gì nên chưa đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự của K2.

Liên quan đến các khoản vay đứng tên Trần Văn S với số tiền 2,65 tỷ đồng là hợp đồng vay vốn sai phạm (hồ sơ vay vốn có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất nhưng thực tế hồ sơ thế chấp không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không có hồ sơ pháp lý khách hàng; không có tài liệu chứng minh khả năng tài chính; không kiểm tra giám sát cho vay; không có giấy đề nghị vay vốn; cho vay không có tài sản bảo đảm; sử dụng vốn vay không đúng mục đích; hợp đồng tín dụng không có chữ ký người đại diện và dấu của ngân hàng; không có phê duyệt của người có thẩm quyền tại phần giám định, phê duyệt cho vay....) về thực chất đây là một trong số các thủ đoạn của bị cáo nhằm chiếm đoạt tiền của Agribank Sin Hồ. Bởi lẽ, với mục đích chiếm đoạt tài sản của Agribank Việt Nam tại Agribank Sin Hồ trong một thời gian rất dài từ năm 2011 đến năm 2016, trên cương vị là người đứng đầu của Agribank Sin Hồ và sau đó là trưởng phòng kinh doanh của Agribank Lai Châu, bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn, lợi dụng sự ảnh hưởng sẵn có của bản thân để thực hiện các thủ đoạn như: lập các hồ sơ vay vốn giả (đứng tên người thân của bị cáo, đứng tên các tổ chức là Hợp tác xã, Công ty), lập hồ sơ vay vốn sai phạm lấy chính tên của bị cáo để lấy tiền của ngân hàng ra sử dụng mục đích cá nhân và đến nay không có khả năng hoàn trả. Việc các luật sư bào chữa cho bị cáo S đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại nhằm xác định lại tội danh đối với bị cáo S là không có căn cứ, bởi lẽ, với các tài liệu chứng cứ được thu thập một cách khách quan, đúng trình tự tố tụng và qua tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ buộc tội và quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo Trần Văn S đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao nhưng đã làm trái các nguyên tắc, chế độ về quản lý tài sản do mình quản lý (bị cáo lập các hồ sơ vay vốn giả, hồ sơ vay vốn sai phạm đứng tên của bản thân) để chiếm đoạt tài sản của Agribank Việt Nam tại Agribank Sin Hồ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với tính chất đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm vào sự hoạt động đúng đắn và chế độ sở hữu về tài sản của Nhà nước, bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

[2.1.2] Đối với Đặng Tiến C:

Trong quá trình kinh doanh, do có mối quan hệ quen biết với Trần Văn S và Lò Văn X là những người có chức vụ, quyền hạn và có trách nhiệm quản lý tài sản tại Agribank Sin Hồ nên C đã rủ rê, lôi kéo, thúc đẩy S, X trong việc chỉ đạo các nhân viên dưới quyền lập hồ sơ vay vốn giả để chiếm đoạt tiền của ngân hàng. Được sự thông đồng của các nhân viên ngân hàng, C cung cấp thông tin giả về người vay, tài sản vay... để nhân viên ngân hàng đã lập hồ sơ vay vốn giả, sau đó

thông qua hoạt động giải ngân, C đã chiếm đoạt được tài sản của Agribank Việt Nam tại Agribank Sìn Hồ tổng số tiền là 27.000.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tiền từ các hồ sơ vay vốn giả C sử dụng vào mục đích cá nhân như cho vay mượn, mua nhà, đất, trả nợ, thi công công trình và hiện nay không có khả năng khắc phục. Bị cáo C là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội với tính chất đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm sự hoạt động đúng đắn và chế độ sở hữu về tài sản của Nhà nước.

[2.1.3]. Đối với Lò Văn X:

Bị cáo Lò Văn X là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao làm trái nguyên tắc, chế độ về quản lý tài sản do mình có trách nhiệm quản lý, dưới sự chỉ đạo của S, sự rủ rờ, lôi kéo, thúc đẩy của S và C, bị cáo đã chỉ đạo nhân viên dưới quyền thiết lập các hồ sơ vay vốn giả, hồ sơ vay vốn sai phạm giúp Trần Văn S, Đặng Tiến C chiếm đoạt của ngân hàng là 35.015.000.000 đồng (trong đó, liên quan đến hồ sơ vay vốn giả, vay vốn sai phạm của S là 14.415.000.000 đồng, liên quan đến hồ sơ vay vốn giả của C là 20.600.000.000 đồng). Hành vi của bị cáo đã tạo điều kiện quan trọng cho S, C chiếm đoạt tiền của ngân hàng, mặc dù X không được bàn bạc, không biết mục đích chiếm đoạt của S, C, không được hưởng lợi ích vật chất nhưng bị cáo biết rõ việc S, C vay tiền ngân hàng bằng các hồ sơ vay vốn giả, hồ sơ vay vốn sai phạm nhưng vẫn chỉ đạo nhân viên dưới quyền thiết lập hồ sơ vay vốn, ký vào các hồ sơ vay vốn là việc bị cáo tiếp nhận ý chí phạm tội của S, C. Hành vi của bị cáo X là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động đúng đắn của và chế độ sở hữu tài sản của Nhà nước.

[2.1.4]. Đối với Khoảng Thị Nh:

Bị cáo Khoảng Thị Nh là cán bộ tín dụng, là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao đã làm trái nguyên tắc, chế độ quản lý tài sản do mình được phân công thực hiện, dưới sự chỉ đạo của S, bị cáo đã lập, ký vào các hồ sơ vay vốn sai phạm để giúp S chiếm đoạt của Agribank Sìn Hồ số tiền là 870.000.000 đồng. Khi S rủ rờ, lôi kéo, thúc đẩy bị cáo Nh đã lập và ký vào hồ sơ vay vốn giả, hồ sơ vay vốn sai phạm giúp cho S chiếm đoạt tiền của ngân hàng, mặc dù bị cáo không được bàn bạc, không biết mục đích chiếm đoạt của S, không được hưởng lợi ích vật chất, bị cáo biết rõ việc S rút tiền từ ngân hàng ra thông qua các hồ sơ vay vốn giả, hồ sơ vay vốn sai phạm nhưng vẫn thực hiện việc lập, ký vào hồ sơ vay vốn là việc bị cáo tiếp nhận ý chí phạm tội của S. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sự hoạt động đúng đắn và chế độ sở hữu về tài sản của Nhà nước.

[2.1.5]. Đối với Nguyễn Văn Nh1:

Bị cáo Nguyễn Văn Nh1 là cán bộ tín dụng, là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao đã làm trái nguyên tắc, chế độ quản lý tài sản do mình được phân công thực hiện, dưới sự chỉ đạo của S, bị cáo đã lập, ký vào các hồ sơ vay vốn sai phạm để giúp S chiếm đoạt của Agribank Sìn Hồ số tiền là 1.255.000.000 đồng, trong đó, S đã tất toán 105.000.000 đồng, hiện còn 1.150.000.000 đồng. Khi S rủ rê, lôi kéo, thúc đẩy, bị cáo Nh1 đã lập và ký vào hồ sơ vay vốn giả, hồ sơ vay vốn trái quy định, giải ngân trái quy định để giúp cho S chiếm đoạt tiền của ngân hàng, mặc dù bị cáo Nh1 không được bàn bạc, không biết mục đích chiếm đoạt của S, không được hưởng lợi ích vật chất, bị cáo biết rõ việc S rút tiền từ ngân hàng ra thông qua các hồ sơ vay vốn giả, hồ sơ vay vốn trái quy định nhưng vẫn thực hiện việc lập, ký vào hồ sơ sai phạm là việc bị cáo tiếp nhận ý chí phạm tội của S. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sự hoạt động đúng đắn và chế độ sở hữu về tài sản của Nhà nước.

[2.2]. Nhóm các bị cáo bị xét xử về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”:

Các bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Quang Ngh1 mặc dù không được bàn bạc, không biết Trần Văn S và các đồng phạm sử dụng thủ đoạn lập hồ sơ vay vốn giả, lập hồ sơ vay vốn sai phạm để chiếm đoạt tiền ngân hàng, tuy nhiên, theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quy trình cho vay, chế độ kế toán... trong các tổ chức tín dụng, quá trình thực hiện nhiệm vụ các bị cáo Ngh1, Th2 cùng các đồng phạm khác đã thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ được giao, thiếu tinh thần trách nhiệm trong việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động giải ngân nên đã giúp sức cho Trần Văn S, Đặng Tiến C dễ dàng thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của Agribank Việt Nam tại Agribank Sìn Hồ.

[2.2.1]. Đối với Nguyễn Thị Phương Th2:

Bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2 là thủ quỹ thực hiện 01 giao dịch và hạch toán giải ngân 08 bút toán đối với khoản vay phát sinh từ hợp đồng vay vốn giả, vay vốn sai phạm gây thiệt hại cho Agribank Sìn Hồ, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tuy nhiên bị cáo không thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình nghiệp vụ, thiếu trách nhiệm trong việc đối chiếu giấy tờ có liên quan, giao dịch khi không có khách hàng, chi tiền mặt sai quy định giúp cho Trần Văn S, Đặng Tiến C chiếm đoạt của Agribank Việt Nam tại Agribank Sìn Hồ số tiền 8.721.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tính đúng đắn trong hoạt động tín dụng.

[2.2.2]. Đối với Phan Quang Ngh1:

Bị cáo Phan Quang Ngh1 là Trưởng phòng Kế toán - Ngân quỹ của Agribank Sìn Hồ, là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, quá trình thực hiện nhiệm vụ với vai trò là kiểm soát viên trên phần mềm IPCAS, bị cáo đã thực hiện hạch

toán giải ngân 35 bút toán đối với các khoản vay phát sinh từ hợp đồng vay vốn giả, vay vốn sai phạm, bị cáo không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra, đối chiếu giữa hồ sơ, chứng từ giao dịch với nội dung giao dịch viên nhập trên máy tính dẫn đến hậu quả là S, C dễ dàng chiếm đoạt được tài sản của Agribank Sìn Hồ số tiền 52.010.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào tính đúng đắn trong hoạt động tín dụng.

Như vậy, các bị cáo Trần Văn S, Đặng Tiến C, Lò Văn X, Khoàng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1 đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao làm trái các nguyên tắc, chế độ về quản lý tài sản do mình quản lý (lập các hồ sơ vay vốn giả, hồ sơ vay vốn sai phạm đứng tên của bản thân); cung cấp những thông tin giả cho nhân viên ngân hàng để lập các hồ sơ vay vốn giả... để chiếm đoạt tài sản của Agribank Việt Nam tại Agribank Sìn Hồ. Các bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Quang Ngh1 không thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình nghiệp vụ, thiếu trách nhiệm trong việc đối chiếu giấy tờ có liên quan, giao dịch khi không có khách hàng, chi tiền mặt sai quy định; không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra, đối chiếu giữa hồ sơ, chứng từ giao dịch với nội dung giao dịch viên nhập trên máy tính dẫn đến hậu quả là S, C dễ dàng chiếm đoạt được tài sản của Agribank Việt Nam.

Hành vi nêu trên của các bị cáo được chứng minh bằng lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các chứng cứ khác đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, do đó có cơ sở kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Văn S, Đặng Tiến C, Lò Văn X, Khoàng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1 về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 278 Bộ luật Hình sự 1999; các bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Quang Ngh1 về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan như nội dung kháng cáo của các bị cáo S, X cũng như quan điểm của các luật sư bào chữa cho các bị cáo. Do đó, quan điểm của các luật sư cho rằng hành vi của các bị cáo không Trần Văn S, Đặng Tiến C, Lò Văn X, Khoàng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1 không phạm tội “Tham ô tài sản” mà phạm tội khác cũng như ý kiến của các luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về khung hình phạt áp dụng: Các bị cáo đều là người có chức vụ, quyền hạn, nhận thức được hành vi của mình là trái quy định của pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện và không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, đã chiếm đoạt tài sản và gây ra thiệt hại cho Nhà nước. Trong đó, tổng số tiền S chiếm đoạt và giúp C chiếm đoạt của ngân hàng là 48.635.000.000 đồng; Tổng số tiền C chiếm đoạt của ngân hàng là 27.000.000.000 đồng; Tổng số tiền X giúp Trần Văn S, Đặng Tiến C chiếm đoạt của ngân hàng là 35.015.000.000 đồng (trong đó, liên quan đến hồ sơ vay vốn giả, vay vốn sai phạm của S là 14.415.000.000 đồng, liên quan đến hồ sơ vay vốn giả của C là 20.600.000.000

đồng); Số tiền Khoản Thị Nh giúp Trần Văn S chiếm đoạt của ngân hàng là 870.000.000 đồng. Số tiền Nguyễn Văn Nh1 giúp Trần Văn S chiếm đoạt của ngân hàng là 1.255.000.000 đồng, trong đó, S đã tất toán 105.000.000 đồng, hiện còn 1.150.000.000 đồng. Hành vi thiếu trách nhiệm của các Nguyễn Thị Phương Th2 gây thiệt hại cho Nhà nước 8.721.500.000 đồng; Hành vi thiếu trách nhiệm của Phan Quang Ngh1 gây thiệt hại cho Nhà nước 852.010.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản điểm a khoản 4 Điều 278 Bộ luật Hình sự 1999 đối với các bị cáo Trần Văn S, Đặng Tiến C, Lò Văn X, Khoản Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1; áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự 1999 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Quang Ngh1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đúng, đầy đủ cho các bị cáo, cụ thể:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, ngoài lần phạm tội này ra, các bị cáo đã luôn chấp hành tốt chủ trương đường lối, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân.

Bị cáo Trần Văn S phạm tội nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại 25 triệu đồng, có thành tích xuất sắc trong công tác, tại giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố mẹ bị cáo có công với đất nước được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

Bị cáo Lò Văn X phạm tội nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại 20 triệu đồng, bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác, tại giai đoạn xét xử sơ thẩm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

Bị cáo Đặng Tiến C phạm tội nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

Bị cáo Nguyễn Văn Nh1 phạm tội nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại 90 triệu đồng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thân nhân bị cáo có công với đất nước, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo thực hiện công việc theo sự chỉ đạo của bị cáo S, bản thân bị cáo chỉ là cán bộ kiêm nhiệm, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

Bị cáo Khoảng Thị Nh phạm tội nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại 10 triệu đồng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thân nhân bị cáo có công với đất nước, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

Bị cáo Phan Quang Ngh1 phạm tội nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại 20 triệu đồng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú về hành vi phạm tội, tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc khám phá tội phạm, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p, o, q khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

Bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2 phạm tội nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại 20 triệu đồng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội vai trò của các bị cáo và hình phạt:

[6.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của các cơ quan, tổ chức trong công tác tín dụng và xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gây thiệt hại lớn cho ngân sách Nhà nước, gây dư luận xấu trên địa bàn tỉnh Lai Châu nên cần có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm mục đích cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6.2] Bị cáo Trần Văn S và Đặng Tiến C có vai trò người tổ chức, là người chủ mưu, cầm đầu, khởi xướng việc phạm tội; rủ rê, lôi kéo, thúc đẩy các bị cáo khác thực hiện tội phạm và trực tiếp chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo Lò Văn X, Khoảng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1 có vai trò người giúp sức, là người tạo điều kiện cho việc thực hiện tội phạm. Trên cơ sở sự chỉ đạo, điều khiển của Trần Văn S và Đặng Tiến C, các bị cáo Lò Văn X, Khoảng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1 cùng các bị cáo khác đã lập hồ sơ vay vốn giả, hồ sơ vay vốn sai phạm, ký thẩm định khoản vay, kiểm soát khoản vay, phê duyệt cho vay và giải ngân tạo điều kiện cho Trần Văn S và Đặng Tiến C chiếm đoạt tiền của Agribank Việt Nam.

Trong nhóm các bị cáo thực hiện tội phạm “Tham ô tài sản” với vai trò người giúp sức, Lò Văn X có vai trò giúp sức tích cực nhất, trên cương vị là Phó Giám đốc và sau này là Giám đốc Agribank Sìn Hồ bị cáo đã tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Trần Văn S và Đặng Tiến C chiếm đoạt được tài sản. Các bị cáo Nguyễn Văn Nh1, Khoàng Thị Nh giúp cho Trần Văn S chiếm đoạt được tài sản với số tiền ít hơn so với các bị cáo trên.

Tuy nhiên, Lò Văn X (thời điểm làm Phó Giám đốc), Khoàng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1 và các bị cáo khác đều là cấp dưới, là người làm công hưởng lương, nỗ lực, chấp hành theo sự chỉ đạo của cấp trên một cách tuyệt đối mà không nhận thức được đầy đủ hành vi phạm tội của bản thân. Các bị cáo trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao đã quá tin tưởng vào sự trung thực, khách quan, công tâm của bộ phận kinh doanh thuộc Agribank Sìn Hồ nên không thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ để Trần Văn S, Đặng Tiến C lợi dụng sơ hở, dễ dàng chiếm đoạt tài sản. Bên cạnh đó, do quản lý lỏng lẻo, thiếu sự kiểm tra, kiểm soát sâu sát của ngân hàng cấp trên đối với Agribank Sìn Hồ cũng tạo điều kiện thuận lợi cho Trần Văn S và Đặng Tiến C chiếm đoạt được tài sản của Agribank Sìn Hồ với số tiền đặc biệt lớn và hành vi của các bị cáo diễn ra trong một thời gian dài. Các bị cáo phạm tội lần đầu, không được bàn bạc, không biết mục đích chiếm đoạt của S, không được hưởng lợi ích vật chất, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể nên theo Nghị quyết số 41 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015, các bị cáo được áp dụng điểm có lợi theo quy định tại khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 như Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là có căn cứ. Khi quyết định mức hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt các bị cáo mức án như đã tuyên tại bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[7] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[7.1] Đối với các bị cáo Trần Văn S, Lò Văn X kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh nhưng như đã phân tích ở trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xem xét lại tội danh của các bị cáo cũng như quan điểm của các luật sư bào chữa cho các bị cáo.

Về hình phạt đối với bị cáo Trần Văn S, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo S là người tổ chức, chủ mưu, cầm đầu, khởi xướng việc phạm tội, rủ rê, lôi kéo, thúc đẩy các bị cáo khác thực hiện tội phạm và trực tiếp chiếm đoạt tài sản của Agribank Việt Nam tại Agribank Sìn Hồ, bị cáo thực hiện tội phạm trong thời gian dài. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt và giúp C chiếm đoạt của ngân hàng là 48.635.000.000 đồng, hậu quả của tội phạm là đặc biệt nghiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt đặc biệt lớn hiện chưa thu hồi được, số tiền bị cáo và các bị cáo khác đã bồi thường

khắc phục là quá nhỏ so với số tiền đã chiếm đoạt. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Văn S mức án tử hình là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Lò Văn X giúp Trần Văn S, Đặng Tiến C chiếm đoạt của ngân hàng tổng cộng 35.015.000.000 đồng, xét hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, tài sản bị chiếm đoạt đặc biệt lớn và hiện chưa thu hồi được, bị cáo có vai trò giúp sức tích cực nhất, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo X mức án 16 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[7.2] Xét kháng cáo của bị cáo Đặng Văn C, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo từ đề nghị xem xét lại tội danh sang xin giảm hình phạt. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án tù chung thân về tội “Tham ô tài sản” là có phần nghiêm khắc. Tại cấp phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả được 1,7 tỷ đồng, bị cáo còn tự nguyện đề nghị được phát mãi toàn bộ tài sản mà cơ quan điều tra đã kê biên để khắc phục hậu quả cho Agribank Sìn Hồ, đồng thời bị cáo đề nghị được mở phong tỏa tài khoản của bị cáo cũng như tài khoản của Công ty TNHH Đức C để bị cáo dùng toàn bộ số tiền có trong tài khoản khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử bị cáo mức án tù có thời hạn thể hiện sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo yên tâm cải tạo, tiếp tục khắc phục hậu quả. Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị chuyển tội danh cho bị cáo C hoặc hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại là không có căn cứ chấp nhận.

[7.3] Xét kháng cáo của bị cáo Khoàng Thị Nh, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo làm việc theo sự chỉ đạo của cấp trên, bị cáo phạm tội lần đầu và có vai trò giúp sức không đáng kể trong vụ án đồng phạm, tại cấp sơ thẩm bị cáo đã bồi thường được 10 triệu đồng, gia đình bị cáo có công với cách mạng, người bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bị cáo 03 năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm a khoản 4 Điều 278 Bộ luật hình sự là có căn cứ, tuy nhiên xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tiếp tục thể hiện thái độ khai báo thành khẩn; đã bồi thường toàn bộ số tiền mà bản án sơ thẩm quyết định; quá trình đưa vụ án ra xét xử bị cáo mang thai, hiện nay bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; hoàn cảnh gia đình rất khó khăn; chồng bị cáo làm việc tại khu vực biên giới, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo cũng như ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo, giảm một phần hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

[7.4] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Nh1, Phan Quang Ngh1, Nguyễn Thị Phương Th2, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo là nhân viên ngân hàng làm việc theo chỉ đạo của lãnh đạo, các bị cáo phạm tội với vai trò không đáng kể

trong vụ án đồng phạm, đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, được người bị hại xin giảm hình phạt cho các bị cáo, hoàn cảnh gia đình khó khăn; thân nhân có công với cách mạng.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Nh1: Bản thân bị cáo không đảm nhiệm công việc mà do bị cáo S chỉ đạo làm thay công việc của Lò Anh T4, bị cáo không được hưởng lợi; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại 90 triệu đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Tham ô tài sản” là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm các tình tiết giảm nhẹ mới: bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo hiện đang có công việc làm ổn định, được Công ty cổ phần an ninh Đèo Cả là cơ quan nơi bị cáo làm việc cam kết bảo lãnh nhân sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung, do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nh1 cũng như quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo.

Bị cáo Phan Quang Ngh1 đã tự nguyện đến cơ quan điều tra tự thú về hành vi phạm tội, tích cực giúp đỡ Cơ quan công an điều tra vụ án; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả 20 triệu đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có thêm các tình tiết giảm nhẹ mới: quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc được Agribank Việt Nam tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở; bố bị cáo được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, bị cáo tích cực ủng hộ phòng chống covid 19 (có xác nhận của Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Lai Châu), bị cáo tích cực tham gia hiến máu nhân đạo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2 trong quá trình công tác đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả 20 triệu đồng; bị cáo tích cực tham gia hiến máu tình nguyện; hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, có 02 con nhỏ, trong đó có 01 con sức khỏe yếu bị bệnh thoát vị màng não vùng chẩm; bị cáo tích cực ủng hộ phòng chống covid 19 (có xác nhận của Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Lai Châu), bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[8] Xét kháng cáo của Công ty thủy Sản An Gi2, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ lời khai của bị cáo Trần Văn S, lời khai của Vũ Văn K2 trong giai đoạn điều tra, ý kiến của đại diện Công ty thủy sản An Gi2 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định việc Trần Văn S lập hồ sơ vay vốn giả, sau đó chuyển khoản số tiền vay vào tài khoản Công ty TNHH Quang Chiến

và từ tài khoản Công ty TNHH Quang Chiến, S lại chuyển tiếp vào tài khoản của Công ty thủy sản An Gi2 với tổng số tiền 29.299.428.680 đồng. Đây là số tiền Trần Văn S chiếm đoạt của Agribank Việt Nam tại Agribank Sìn Hồ để thanh toán tiền mua cá cho Công ty TNHH Quang Chiến là số tiền do phạm S tội mà có. Hợp đồng tín dụng giữa Công ty Quang Chiến và Công ty thủy sản An Gi2 được đảm bảo thanh toán bằng các hồ sơ vay vốn giả, hồ sơ vay vốn sai phạm, do vậy đây là những hợp đồng tín dụng vô hiệu. Theo quy định của pháp luật dân sự phải áp dụng biện pháp hoàn nguyên (khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại tài sản). Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty thủy sản An Gi2 phải hoàn trả lại cho Agribank Việt Nam số tiền 29.299.428.680 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật; do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty thủy sản An Gi2 về nội dung này cũng như quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty thủy sản An Gi2.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Văn S, Lò Văn X phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Các bị cáo Đặng Tiến C, Khoảng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1, Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Quang Ngh1 kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn S, Lò Văn X; Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu đối với các bị cáo Trần Văn S, Lò Văn X.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Gi2 về phần trách nhiệm dân sự; Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu phần trách nhiệm dân sự liên quan đến Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Gi2.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Tiến C, Khoản Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1, Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Quang Ngh1; Sửa phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu đối với các bị cáo Đặng Tiến C, Khoản Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1, Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Quang Ngh1, cụ thể như sau:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Trần Văn S, Lò Văn X, Đặng Tiến C, Nguyễn Văn Nh1, Khoản Thị Nh phạm tội “Tham ô tài sản”.

Các bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Quang Ngh1 phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278, Điều 20, Điều 53, điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7 và điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Trần Văn S Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278, Điều 20, Điều 53, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7 và điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Đặng Tiến C 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 01/6/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278, Điều 20, Điều 53, điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7 và điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Lò Văn X 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 06/12/2017.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278, Điều 20, Điều 53, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 54 và điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Khoản Thị Nh 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278, Điều 20, Điều 53, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 54 và điểm a khoản 4 Điều 353; khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Nh1 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Nh1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 285, điểm b, o, p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Phan Quang Ngh1 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 285, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999; khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Phan Quang Ngh1, Nguyễn Thị Phương Th2 cho Ủy ban nhân dân phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Đối với người được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự

2. Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự 2015 cấm bị cáo Lò Văn X đảm nhận các chức vụ (vị trí công việc) trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ (hoạt động cho vay) của ngân hàng trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù; Cấm các bị cáo Khoảng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1 đảm nhận các chức vụ (vị trí công việc) trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ (hoạt động cho vay) của ngân hàng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

Áp dụng khoản 3 Điều 285 Bộ luật Hình sự 1999 cấm các bị cáo Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Quang Ngh1 đảm nhận các chức vụ (vị trí công việc) trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ (hoạt động cho vay) của ngân hàng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự 1999:

Buộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Gi2 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Agribank Việt Nam số tiền 29.299.428.680 đồng (Hai mươi chín tỷ hai trăm chín mươi chín triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

3.2. Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự 1999 và các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự:

3.2.1. Buộc các bị cáo Trần Văn S, Lò Văn X, Liễu Đức M2, Phạm Ngọc D, Nguyễn Hồng Việt, Bùi Anh T3, Khoàng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1 phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Agribank Việt Nam liên quan đến các khoản tiền mà Trần Văn S đã chiếm đoạt và gây thiệt hại là 42.685.711.143 đồng. Trong đó, trách nhiệm bồi thường thiệt hại và ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của mỗi bị cáo, cụ thể như sau:

- Trần Văn S 40.949.711.143 đồng, được khấu trừ đi các số tiền sau:

- + Trần Văn S đã nộp là 25.000.000 đồng;

- + Số tiền các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại: Nguyễn Thị Phương Th2 là 20.000.000 đồng, Phan Sỹ C1 là 55.000.000 đồng;

- + Số tiền Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Gi2 phải hoàn trả cho Ngân hàng Agribank Việt Nam là 29.299.428.680 đồng.

Do đó, Trần Văn S còn phải tiếp tục thi hành là 11.550.282.463 đồng (Mười một tỷ năm trăm năm mươi triệu hai trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng).

- Lò Văn X 400.000.000 đồng, được khấu trừ đi 10.000.000 đồng đã nộp, còn phải tiếp tục thi hành là 390.000.000 (Ba trăm chín mươi triệu đồng).

- Khoàng Thị Nh 24.000.000 đồng, được khấu trừ đi 10.000.000 đồng đã nộp, còn phải tiếp tục thi hành 14.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo Khoàng Thị Nh nộp số tiền 14.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại và 900.000 đồng tiền án phí sơ thẩm tại các Biên lai số 0001655, số 001656 và số 0001658 cùng ngày 11/9/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu. Xác nhận bị cáo Nh đã thi hành xong phần trách nhiệm dân sự và án phí sơ thẩm.

- Nguyễn Văn Nh1 90.000.000 đồng, được khấu trừ đi 90.000.000 đồng đã nộp, xác nhận Nguyễn Văn Nh1 đã thi hành xong phần trách nhiệm dân sự.

3.2.2. Buộc các bị cáo Đặng Tiến C, Trần Văn S, Lò Văn X, Liễu Đức M2, Phạm Ngọc D, Nguyễn Hồng Việt phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng Agribank Việt Nam liên quan đến các khoản vay mà Đặng Tiến C đã chiếm đoạt và gây thiệt hại là 29.624.949.801 đồng. Trong đó, trách nhiệm bồi thường thiệt hại và ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của mỗi bị cáo, cụ thể như sau:

- Đặng Tiến C 28.416.949.801 đồng, được khấu trừ đi số tiền các bị cáo tự nguyện bồi thường: Phan Quang Ngh1 là 20.000.000 đồng, Trần Thị Kim O1 là 5.000.000 đồng, Lò Anh T4 là 10.000.000 đồng, Trịnh Đức L2 là 5.000.000 đồng.

Xác nhận bị cáo Đặng Tiến C đã nộp số tiền 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng) tại các chứng từ giao dịch (số hóa đơn: 070700740087 ngày 07/7/2021 và số hóa đơn: 07080074000047 ngày 08/7/2021) của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Sìn Hồ Lai Châu. Do đó, bị cáo Đặng Tiến C còn phải tiếp tục thi hành là 26.676.949.801 đồng (Hai mươi sáu tỷ sáu trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm linh một đồng).

- Trần Văn S 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

- Lò Văn X 410.000.000 đồng, được khấu trừ đi 10.000.000 đồng đã nộp, còn phải tiếp tục thi hành là 400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Các bị cáo Trần Văn S, Lò Văn X, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Đặng Tiến C, Khoảng Thị Nh, Nguyễn Văn Nh1, Nguyễn Thị Phương Th2, Phan Quang Ngh1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy Sản An Gi2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2016/0000881 ngày 30/9/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, hoàn trả lại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy Sản An Gi2 1.700.000 đồng. Xác nhận Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy Sản An Gi2 đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trong thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo Trần Văn S có quyền gửi đơn lên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xin ân giảm án tử hình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 - TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- TTG - CA tỉnh Lai Châu;
- Các b/c S, C, X (qua TTG);
- Các b/c Nh, Nh1, Phương, Ngh1 (theo đ/c);
- NBH; NLQ (theo đ/c);
- UBND phường Tân Phong,
tp Lai Châu, tỉnh Lai Châu;
- UBND thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ,
tỉnh Lai Châu;
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học